BỘ NỘI VỤ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1440 /QĐ-BNV	*Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Hướng dẫn kỹ thuật kết nối, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về người có công do Bộ Nội vụ quản lý

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 276/2026/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 667/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ về cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0);

Căn cứ Quyết định số 1067/QĐ-BNV ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ về các cơ sở dữ liệu của Cục Người có công năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-BNV ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật nhiệm vụ Triển khai thực hiện cơ sở dữ liệu Người hưởng chính sách ưu đãi Người có công;

Căn cứ Quyết định số 1181/QĐ-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật nhiệm vụ Triển khai thực hiện cơ sở dữ liệu liệt sĩ, mộ liệt sĩ và nghĩa trang liệt sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1182/QĐ-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật nhiệm vụ Triển khai thực hiện cơ sở dữ liệu ADN của liệt sĩ và thân nhân;

Căn cứ Quyết định số 1234/QĐ-BNV ngày 11 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn kỹ thuật kết nối, đồng bộ, cập nhật và khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về An sinh xã hội;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Người có công.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hướng dẫn kỹ thuật kết nối để khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu do Cục Người có công quản lý

Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn kỹ thuật kết nối để khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về người có công do Bộ Nội vụ quản lý, giao Cục Người có công trực tiếp quản lý, vận hành, gồm:

1. Phụ lục I: Hướng dẫn kỹ thuật kết nối để khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu Người hưởng chính sách ưu đãi người có công (sau đây gọi là CSDL Người có công);

2. Phụ lục II: Hướng dẫn kỹ thuật kết nối để khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu ADN liệt sĩ và thân nhân (sau đây gọi là CSDL ADN);

3. Phụ lục III: Hướng dẫn kỹ thuật kết nối để khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu Liệt sĩ, Mộ liệt sĩ và Nghĩa trang liệt sĩ (sau đây gọi là CSDL LSMLS).

CSDL Người có công, CSDL ADN và CSDL LSMLS sau đây gọi chung là các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về người có công. Hướng dẫn áp dụng đối với việc kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về người có công với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin và các nguồn dữ liệu có liên quan.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Hướng dẫn này áp dụng đối với:

a) Cục Người có công và các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ được giao quản lý, vận hành, quản trị hoặc cung cấp dữ liệu cho các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về người có công;

b) Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ, các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương có hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu kết nối, khai thác và sử dụng dữ liệu chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về người có công theo phạm vi được phép;

c) Các cơ quan, đơn vị ở địa phương được giao quản lý, cập nhật dữ liệu về người có công, liệt sĩ, mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ và dữ liệu ADN liệt sĩ, thân nhân liệt sĩ;

d) Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và đơn vị cung cấp giải pháp kỹ thuật tham gia xây dựng, kết nối, tích hợp, vận hành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về người có công theo phạm vi được giao.

2. Hướng dẫn này là cơ sở thống nhất về kỹ thuật để tổ chức kết nối, trao đổi và khai thác dữ liệu; không làm thay đổi thẩm quyền quản lý nhà nước, thẩm quyền tạo lập, xác nhận, cập nhật và trách nhiệm về dữ liệu của cơ quan, đơn vị chủ quản dữ liệu gốc.

Điều 3. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu

1. Dữ liệu được kết nối, chia sẻ và khai thác theo đúng thẩm quyền, mục đích, phạm vi và quy định của pháp luật; chỉ cung cấp phạm vi dữ liệu cần thiết cho mục đích khai thác đã được xác định.

2. Bảo đảm dữ liệu được quản lý theo nguyên tắc đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung.

3. Bộ Nội vụ là cơ quan chủ quản các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về người có công; Cục Người có công là đơn vị được giao trực tiếp quản lý, vận hành, chịu

trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và tính pháp lý của dữ liệu được tạo lập, quản lý và cung cấp; việc cơ quan, đơn vị khác khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ không làm thay đổi trách nhiệm này.

4. Ưu tiên kết nối, chia sẻ dữ liệu tự động thông qua API và các phương thức trao đổi dữ liệu điện tử; hạn chế việc trao đổi dữ liệu thủ công, dữ liệu đóng gói khi đã đáp ứng đủ điều kiện kết nối.

5. Dữ liệu cá nhân của người có công, thân nhân người có công, liệt sĩ, thân nhân liệt sĩ, đặc biệt là dữ liệu ADN, mẫu sinh phẩm và các dữ liệu nhạy cảm khác phải được bảo vệ theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu và bí mật nhà nước; không chia sẻ cho cơ quan, tổ chức không có thẩm quyền hoặc không có mục đích khai thác phù hợp.

6. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong toàn bộ quá trình kết nối, truyền nhận, lưu trữ và khai thác dữ liệu. Các bản tin điện tử trao đổi khi kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về người có công bắt buộc phải được ký số theo chuẩn XAdES, sử dụng chứng thư số chuyên dùng Chính phủ do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp. Hệ thống thực hiện kiểm tra tự động tính hợp lệ của khối chữ ký số và từ chối xử lý đối với các bản tin không có chữ ký số, chữ ký số không hợp lệ hoặc sử dụng chứng thư số không đúng quy định.

Điều 4. Kết nối và chia sẻ dữ liệu

1. Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về người có công cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu (API) để các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có nhu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu theo phạm vi được phép. Danh sách, đặc tả và cách thức gọi từng API được quy định chi tiết tại Phụ lục I, Phụ lục II và Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

2. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu được thực hiện theo các phương thức sau:

a) Hệ thống thông tin thuộc Bộ Nội vụ kết nối thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ (LGSP);

b) Hệ thống thông tin ngoài Bộ Nội vụ kết nối thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), Nền tảng trao đổi dữ liệu quốc gia (VDXP) hoặc Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia (NDOP);

c) Trao đổi dữ liệu theo gói dữ liệu điện tử trong trường hợp chưa đủ điều kiện kết nối trực tuyến;

d) Các phương thức kỹ thuật khác được Bộ Nội vụ chấp thuận.

3. Toàn bộ kết nối được thực hiện trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước, bảo đảm an toàn, bảo mật theo giải pháp của Ban Cơ yếu Chính phủ; tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và Khung kiến trúc số của Bộ Nội vụ.

4. Mỗi dịch vụ chia sẻ dữ liệu có đường dẫn riêng, được xác thực bằng token và kiểm tra quyền theo từng dịch vụ; bản tin trao đổi theo định dạng và cấu

trúc quy định tại các Phụ lục kèm theo. Toàn bộ yêu cầu gọi đến dịch vụ được ghi nhật ký để phục vụ quản lý, giám sát và truy vết.

Điều 5. Điều kiện kết nối và đăng ký khai thác dữ liệu

1. Hệ thống thông tin kết nối với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về người có công phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin tối thiểu từ Cấp độ 3 trở lên theo quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

b) Được kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn thông tin trước khi kết nối hoặc khi có điều chỉnh, thay đổi thiết kế hệ thống thông tin đã kết nối; việc kiểm tra, đánh giá phải do cơ quan có chức năng của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định của pháp luật;

c) Có tài khoản tích hợp và được phân quyền khai thác theo từng dịch vụ dữ liệu.

2. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu khai thác dữ liệu gửi văn bản đề nghị đến Bộ Nội vụ (qua Cục Người có công), trong đó nêu rõ cơ sở pháp lý, mục đích, phạm vi dữ liệu (danh sách API, nhóm trường thông tin), đầu mối kỹ thuật và hình thức kết nối. Cục Người có công chủ trì xem xét, phản hồi và thông báo kết quả cho cơ quan, tổ chức đề nghị; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

3. Trên cơ sở đề nghị được chấp thuận, Cục Người có công phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Bộ Nội vụ và đơn vị quản lý các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu thiết lập kết nối, cấp tài khoản tích hợp và phân quyền gọi từng API cho cơ quan, tổ chức khai thác.

Điều 6. Cập nhật và quản lý chất lượng dữ liệu

1. Dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về người có công được tạo lập, cập nhật, điều chỉnh bởi các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; việc cập nhật dữ liệu phải bảo đảm xác định rõ:

a) Nguồn dữ liệu;

b) Cơ quan, đơn vị tạo lập và quản lý dữ liệu;

c) Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xác nhận dữ liệu;

d) Cơ quan, đơn vị thực hiện cập nhật, điều chỉnh dữ liệu;

đ) Thời điểm tạo lập, cập nhật, điều chỉnh dữ liệu;

e) Lịch sử thay đổi dữ liệu.

2. Dữ liệu chia sẻ là dữ liệu tại thời điểm cập nhật gần nhất trong các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về người có công. Cơ quan, tổ chức khai thác dữ liệu có trách nhiệm đồng bộ, cập nhật dữ liệu theo tần suất phù hợp với mục đích khai thác và không tự ý thay đổi dữ liệu gốc.

3. Trường hợp cơ quan, tổ chức khai thác phát hiện dữ liệu không chính xác, không đầy đủ hoặc có sai lệch, phải thông báo cho Cục Người có công để kiểm tra, xác minh với cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tạo lập dữ liệu, điều chỉnh và phản hồi kết quả.

Điều 7. Khai thác và sử dụng dữ liệu

1. Dữ liệu chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về người có công được khai thác, sử dụng phục vụ:

a) Giải quyết thủ tục hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng;

b) Xác minh, tra cứu, đối chiếu thông tin về người có công, thân nhân người có công, liệt sĩ, mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ;

c) Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, giám sát, thống kê, phân tích và hoạch định chính sách của cấp có thẩm quyền;

d) Tạo lập, chuẩn hóa, đồng bộ, đối soát dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương;

đ) Phục vụ công tác tìm kiếm, quy tập, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ và giám định ADN theo quy định;

e) Các mục đích khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

2. Việc khai thác dữ liệu phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức và phạm vi quyền khai thác được cấp. Đối với dữ liệu ADN, mẫu sinh phẩm và các dữ liệu nhạy cảm khác, Cục Người có công xem xét, cấp quyền khai thác chặt chẽ theo từng mục đích, từng dịch vụ dữ liệu cụ thể.

3. Việc khai thác dữ liệu được thực hiện thông qua API hoặc các phương thức khác theo quy định kỹ thuật; phải được xác thực, phân quyền và ghi nhật ký để phục vụ kiểm tra, giám sát và truy vết.

4. Cơ quan, tổ chức khai thác dữ liệu không được cung cấp, chia sẻ, chuyển giao cho bên thứ ba hoặc sử dụng dữ liệu sai mục đích, ngoài phạm vi đã được chấp thuận.

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Cục Người có công:

a) Chủ trì quản trị, vận hành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về người có công và các dịch vụ chia sẻ dữ liệu quy định tại Quyết định này;

b) Hướng dẫn kỹ thuật, tiếp nhận, thẩm định đề nghị kết nối, khai thác dữ liệu và phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện kết nối;

c) Quản lý tài khoản tích hợp, phân quyền, nhật ký khai thác; kiểm tra, giám sát việc truyền, nhận và khai thác dữ liệu; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc đề xuất xử lý các trường hợp khai thác sai mục đích, sai phạm vi;

d) Chủ trì phối hợp xử lý dữ liệu sai lệch, thiếu, trùng lặp theo thông báo của cơ quan, tổ chức khai thác;

đ) Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin tham mưu, trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ cập nhật, điều chỉnh Hướng dẫn kỹ thuật khi có thay đổi về kiến trúc, công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc yêu cầu quản lý.

2. Các cơ quan, đơn vị ở địa phương được giao nhiệm vụ tạo lập, cập nhật dữ liệu: bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và tính pháp lý của dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; phối hợp xử lý các trường hợp dữ liệu sai lệch, thiếu, trùng lặp.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin, Bộ Nội vụ: phối hợp bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, vận hành Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ (LGSP) và phối hợp với các đơn vị quản lý NDXP, VDXP, NDOP trong việc cung cấp, kết nối các dịch vụ chia sẻ dữ liệu của các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về người có công.

4. Cơ quan, tổ chức khai thác dữ liệu:

a) Sử dụng dữ liệu đúng mục đích, phạm vi và thẩm quyền;

b) Không cung cấp, chia sẻ hoặc sử dụng lại dữ liệu trái quy định;

c) Bảo đảm an toàn tài khoản, thông tin xác thực và an toàn thông tin của hệ thống kết nối; bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình khai thác, lưu trữ, xử lý;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai thác và sử dụng dữ liệu.

5. Đơn vị cung cấp giải pháp kỹ thuật tham gia xây dựng, vận hành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về người có công có trách nhiệm thực hiện theo phạm vi được giao, tuân thủ các quy định về bảo mật, an toàn thông tin và không sử dụng dữ liệu cho mục đích khác.

6. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc yêu cầu điều chỉnh về kỹ thuật, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Nội vụ (qua Cục Người có công) để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, quyết định.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Người có công, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 9;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các Bộ: Công an, Quốc phòng (để phối hợp);
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố (để thực hiện);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Nội vụ (để đăng tải);
- Lưu: VT, CNCC (DLTTNCC).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hà

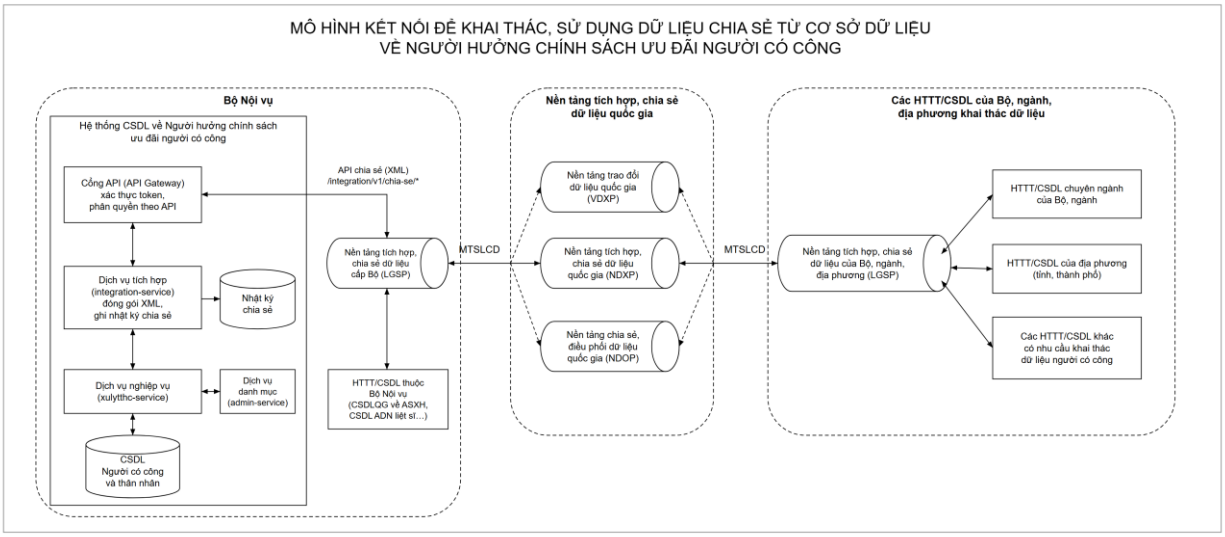
PHỤ LỤC I

Hướng dẫn kỹ thuật kết nối để khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu Người hưởng chính sách ưu đãi người có công

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày /11/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

I. Phương thức kết nối

1. Mô hình kết nối



Hình 1: Mô hình kết nối để khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu về Người hưởng chính sách ưu đãi người có công

Cơ sở dữ liệu về Người hưởng chính sách ưu đãi người có công (sau đây gọi là CSDL Người có công) do Bộ Nội vụ xây dựng, quản lý. CSDL Người có công cung cấp các dịch vụ chia sẻ dữ liệu (API) để các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có nhu cầu được khai thác, sử dụng dữ liệu về người có công, thân nhân người có công và các dữ liệu liên quan theo phạm vi được phép.

Các dịch vụ cung cấp đều được xác thực bằng token và kiểm tra quyền theo từng dịch vụ, mỗi dịch vụ một đường dẫn riêng. Bản tin trao đổi ở định dạng XML, đóng gói theo cấu trúc Envelope/ResponseEnvelope của hệ thống CSDL Người có công (mục 2.2 của Phụ lục này). Toàn bộ các yêu cầu gọi đến dịch vụ sẽ được ghi nhật ký để phục vụ quản lý và giám sát. Đường dẫn /integration/v1/chia-se/* thể hiện tại Hình 1 là đường dẫn nội bộ của Cổng API (API Gateway) thuộc hệ thống; đơn vị khai thác không gọi trực tiếp đường dẫn này mà sử dụng địa chỉ kết nối do nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu công bố tại mục 2.2 của Phụ lục này.

Hệ thống thông tin thuộc Bộ Nội vụ kết nối qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ (LGSP); hệ thống ngoài Bộ Nội vụ kết nối qua NDXP, VDXP hoặc NDOP. Toàn bộ kết nối được thực hiện trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và

Nhà nước, tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và Khung kiến trúc số của Bộ Nội vụ.

2. Đặc tả kỹ thuật kết nối (API)

2.1. Danh sách API của hệ thống

STT	Tên dịch vụ	Mã dịch vụ	Mô tả
1	API Login (lấy token)	ncc_token	Khởi tạo token cho phiên làm việc. Token được đính kèm trong tiêu đề Authorization của tất cả các API chia sẻ dữ liệu.
2	API chia sẻ dữ liệu danh sách Người có công	ncc_nguoi_co_cong	Chia sẻ danh sách hồ sơ người có công, thân nhân người có công (thông tin công dân, địa chỉ thường trú, nơi quản lý hồ sơ, diện đối tượng, thân nhân và người phục vụ) cho hệ thống thông tin có nhu cầu khai thác.

2.2. Chi tiết API

Các API dưới đây được mô tả theo trục NDXP. Với trục VDXP và NDOP, nội dung bản tin, cấu trúc dữ liệu và cách xử lý kết quả hoàn toàn tương tự; đơn vị chỉ cần thay địa chỉ kết nối và cách lấy token theo hướng dẫn của từng trục.

2.2.1. API Login (ncc_token)

- Mục đích: Khởi tạo token cho phép thực hiện phiên làm việc; token được đính kèm trong tiêu đề Authorization của tất cả các API chia sẻ dữ liệu khi kết nối qua nền tảng tích hợp (LGSP/NDXP/VDXP/NDOP). Bên dưới đây là ví dụ về API lấy token từ nền NDXP:

- Đặc tả đầu vào API:

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	grant_type	String	x	Nhận giá trị cố định: client_credentials

- Đặc tả đầu ra API:

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	access_token	String		Chuỗi token được cấp tương ứng với một phiên làm việc
2	scope	String		Phạm vi quyền của token do nền tảng tích hợp cấp (ví dụ: am_application_scope default)
3	token_type	String		Kiểu token
4	expires_in	Number		Thời gian token có hiệu lực (giây)

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	
URL	https://api.ngsp.gov.vn/token
Request header	
Method	POST
Content-Type	application/x-www-form-urlencoded
Authorization	Basic Base64(consumer-key:consumer-secret)(cặp khóa consumer-key và consumer-secret do NDXP cung cấp cho mỗi HTTT)
Request Body	
Body	grant_type=client_credentials
Response Body	

200 OK	{
	"access_token": "d32ed548-e44c-350c-b047-c10f829064fb",
	"scope": "am_application_scope default",
	"token_type": "Bearer",
	"expires_in": 3600
	}

2.2.2. API chia sẻ dữ liệu danh sách Người có công

- Mục đích: API dùng để chia sẻ danh sách hồ sơ người có công, thân nhân người có công (thông tin công dân, địa chỉ thường trú, nơi quản lý hồ sơ, diện đối tượng hưởng chính sách, thân nhân và người phục vụ) cho hệ thống thông tin có nhu cầu khai thác. Dữ liệu chia sẻ trên phạm vi toàn quốc, không bao gồm hồ sơ đã xóa; sắp xếp theo thời điểm cập nhật hồ sơ gần nhất giảm dần.

- Đặc tả đầu vào API:

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ dài tối đa	Bắt buộc	Lặp	Mô tả
1	Envelope	Object		x		Thẻ gốc của request XML
1.1	Content	Object		x		Thẻ bọc dữ liệu nghiệp vụ, khuyến nghị giữ thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	100	x		Mã định danh duy nhất cho mỗi lần gọi API (khuyến nghị UUID); được trả lại ở thẻ RefMessageId của response để đối soát
1.1.2	Data	Object				Điều kiện lọc và phân trang của API
1.1.2.1	Page	Number				Số thứ tự trang, tính từ 1. Không truyền = 1
1.1.2.2	Size	Number				Số bản ghi trên một trang. Không truyền = 10; lớn hơn 1.000 trả lỗi CS_002
1.1.2.3	HoTen	String	50			Họ và tên, tìm gần đúng, không phân biệt chữ hoa, chữ thường (có phân biệt dấu tiếng Việt)
1.1.2.4	SoCCCD	String	12			Số căn cước/căn cước công dân (số định danh cá nhân), tìm gần đúng
1.1.2.5	SoCMND	String	12			Số chứng minh nhân dân, tìm gần đúng
1.1.2.6	MaChiTietLoaiDoiTuong	String	4		x	Mã chi tiết loại đối tượng (DM chi tiết loại đối tượng người có công); lặp lại thẻ MaChiTietLoaiDoiTuong cho mỗi mã. Lấy hồ sơ có ít nhất một diện đối tượng thuộc một trong các mã đã truyền. Không truyền = tất cả

1.2	ds:Signature	Object				Khối chữ ký số XAdES/XMLDSig của thẻ Content (namespace http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#). Có khi phiên tích hợp yêu cầu ký số;

- Đặc tả đầu ra API:

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ dài tối đa	Bắt buộc	Lặp	Mô tả
1	ResponseEnvelope	Object		x		Thẻ gốc của response XML
1.1	Content	Object		x		Thẻ bọc dữ liệu response, thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	36	x		Mã định danh response do hệ thống sinh (UUID)
1.1.2	RefMessageId	String	100			Trả lại MessageId của request; rỗng khi không đọc được request
1.1.3	ErrorCode	String	10	x		Mã xử lý: 0 - thành công; CS_xxx - lỗi: 0 (HTTP 200): success (Thành công; thẻ Data chứa RequestId, ReceivedAt và Result) CS_001 (HTTP 400): Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: <…> (Body không phải XML hợp lệ, thiếu thẻ Content/MessageId, hoặc trong Data có thẻ không thuộc đặc tả) CS_002 (HTTP 400): Số bản ghi mỗi trang vượt quá giới hạn 1.000. (Giá trị Size > 1000) CS_003 (HTTP 503): Không kết nối được hệ thống CSDL Người có công, vui lòng gọi lại sau. (Lỗi tạm thời, gọi lại sau) CS_004 (HTTP 502): Hệ thống CSDL Người có công xử lý lỗi. Chi tiết: <…> (Gồm cả điều kiện lọc không hợp lệ (đến ngày nhỏ hơn từ ngày, từ khóa quá dài); xem phần Chi tiết)

						Response thành công trả HTTP 200 với ErrorCode = 0; response lỗi trả HTTP Code tương ứng theo danh sách mã lỗi ở trên, nội dung vẫn theo cấu trúc ResponseEnvelope nhưng không có thẻ Data. Lỗi token không hợp lệ/hết hạn (HTTP 401) hoặc tài khoản chưa được cấp quyền gọi API (HTTP 403) do cổng API trả về trước khi tới dịch vụ chia sẻ, nên không theo cấu trúc trên và không có nhật ký chia sẻ.
1.1.4	Message	String		x		Trạng thái xử lý: success khi thành công; nội dung lỗi (có thể kèm "Chi tiết: …") khi lỗi
1.1.5	Data	Object				Chỉ có khi thành công
1.1.5.1	RequestId	String	36	x		Mã yêu cầu do hệ thống sinh, trùng mã dòng nhật ký chia sẻ (dùng khi cần tra soát)
1.1.5.2	ReceivedAt	String		x		Thời điểm hệ thống xử lý yêu cầu, định dạng ISO-8601 UTC (yyyy-MM-ddTHH:mm:ss.SSSZ)
1.1.5.3	Result	Object		x		Kết quả nghiệp vụ của API
1.1.5.3.1	TongSoBanGhi	Number		x		Tổng số bản ghi thỏa mãn điều kiện lọc
1.1.5.3.2	LastId	Number				Id của bản ghi cuối trong trang; rỗng khi trang không có bản ghi
1.1.5.3.3	BanGhi	Object			x	Mỗi bản ghi là một thẻ <BanGhi>, lặp lại theo số bản ghi của trang; gồm thẻ Id và các nhóm thông tin dưới đây
1.1.5.3.3.1	Id	Number		x		Định danh hồ sơ trong CSDL Người có công

1.1.5.3.3.2	ThongTinChung	Object		x		Thông tin chung người có công; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.2.1	HoTen	String	150	x		Họ và tên
1.1.5.3.3.2.2	BiDanh	String	200			Bí danh
1.1.5.3.3.2.3	NgaySinh	String	10			Ngày tháng năm sinh (Không bắt buộc với Liệt sĩ). Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.2.4	GioiTinh	Number	1	x		Tham chiếu danh mục giới tính
1.1.5.3.3.2.5	SoCCCD	String	12			Số định danh cá nhân (số căn cước, số căn cước công dân). Không bắt buộc trong trường hợp là liệt sĩ
1.1.5.3.3.2.6	NgayCapCCCD	String	10			Ngày cấp căn cước/ căn cước công dân. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.2.7	NoiCapCCCD	String	255			Nơi cấp căn cước, căn cước công dân
1.1.5.3.3.2.8	SoCMT	String	12			Số chứng minh nhân dân (9 hoặc 12 số) đối với trường hợp chưa có căn cước/ căn cước công dân
1.1.5.3.3.2.9	NgayCapCMT	String	10			Ngày cấp chứng minh nhân dân. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.2.10	NoiCapCMT	String	255			Nơi cấp chứng minh nhân dân
1.1.5.3.3.2.11	QueQuan	String	255			Quê quán/Nguyên quán. Thông tin địa chỉ quê quán
1.1.5.3.3.2.12	ThuongTru	Object				Địa chỉ thường trú; gồm các thẻ con dưới đây

1.1.5.3.3.2.12.1	DiaChiChiTiet	String	250			Địa chỉ chi tiết thường trú. Địa chỉ chi tiết gồm số nhà, tên đường, phố
1.1.5.3.3.2.12.2	MaXa	String	5			Mã xã thường trú. Xã thường trú. Tham chiếu danh mục xã/ Phường/ Đặc khu
1.1.5.3.3.2.12.3	MaTinh	String	2			Mã tỉnh thường trú. Tỉnh thường trú. Tham chiếu danh mục tỉnh/ Thành phố
1.1.5.3.3.2.13	DanToc	Number	2			Tham chiếu danh mục dân tộc
1.1.5.3.3.2.14	TonGiao	Number	2			Tham chiếu danh mục tôn giáo
1.1.5.3.3.2.15	SoDienThoai	String	15			Số điện thoại
1.1.5.3.3.2.16	TrangThai	Number	1	x		Trạng thái sống / chết. Tham chiếu danh mục tình trạng sống/chết
1.1.5.3.3.2.17	NgayChet	String	10			Ngày tháng năm chết/ hy sinh. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.2.18	SoGiayBaoTu	String	30			Số giấy báo tử/Giấy chứng nhận hy sinh. Số giấy báo tử
1.1.5.3.3.2.19	NgayCapGiayBaoTu	String	10			Ngày tháng năm cấp giấy báo tử. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.2.20	NoiQuanLyHoSo	Object				Nơi quản lý hồ sơ; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.2.20.1	MaXa	String	5			Nơi quản lý hồ sơ - Phường/Xã. Tham chiếu DM Xã/ Phường/ Đặc khu
1.1.5.3.3.2.20.2	MaTinh	String	2			Nơi quản lý hồ sơ - Tỉnh/Thành phố. Tham chiếu DM Tỉnh/ Thành phố
1.1.5.3.3.3	DSThanNhan	Array				Danh sách thân nhân của người có công; lặp lại thẻ

						ThanNhan cho mỗi phần tử
1.1.5.3.3.3.1	ThanNhan	Object			x	Thông tin thân nhân của người có công; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.3.1.1	HoTen	String	150	x		Họ và tên. Họ tên thân nhân người có công
1.1.5.3.3.3.1.2	NgaySinh	String	10	x		Ngày tháng năm sinh của thân nhân. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.3.1.3	GioiTinh	Number	1	x		Tham chiếu danh mục giới tính
1.1.5.3.3.3.1.4	SoCCCD	String	12			Số định danh cá nhân của thân nhân
1.1.5.3.3.3.1.5	NgayCapCCCD	String	10			Ngày cấp. Ngày tháng năm cấp căn cước, căn cước công dân. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.3.1.6	NoiCapCCCD	String	255			Nơi cấp căn cước công dân
1.1.5.3.3.3.1.7	SoCMT	String	12			Số chứng minh nhân dân (9 hoặc 12 số) đối với trường hợp chưa có căn cước/ căn cước công dân
1.1.5.3.3.3.1.8	NgayCapCMT	String	10			Ngày cấp chứng minh nhân dân. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.3.1.9	NoiCapCMT	String	255			Nơi cấp chứng minh nhân dân
1.1.5.3.3.3.1.10	QueQuan	String	255			Quê quán/Nguyên quán. Thông tin địa chỉ quê quán
1.1.5.3.3.3.1.11	ThuongTru	Object				Địa chỉ thường trú; gồm các thẻ con dưới đây

1.1.5.3.3.3.1.11.1	DiaChiChiTiet	String	250			Địa chỉ chi tiết thường trú. Địa chỉ chi tiết gồm số nhà, tên đường, phố
1.1.5.3.3.3.1.11.2	MaXa	String	5			Mã xã thường trú. Tham chiếu danh mục xã/ Phường/ Đặc khu
1.1.5.3.3.3.1.11.3	MaTinh	String	2			Mã tỉnh thường trú. Tham chiếu danh mục tỉnh/ Thành phố
1.1.5.3.3.3.1.12	TrangThai	Number	1	x		Trạng thái sống/chết. Tham chiếu danh mục trạng thái sống/chết
1.1.5.3.3.3.1.13	SoGiayXacNhanTN	String	30			Số giấy xác nhận thân nhân. Số giấy xác nhận là thân nhân người có công
1.1.5.3.3.3.1.14	NgayXacNhanTN	String	10			Ngày tháng năm cấp giấy xác nhận thân nhân. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.3.1.15	NoiXacNhanTN	String	255			Nơi cấp giấy xác nhận thân nhân người có công
1.1.5.3.3.3.1.16	MoiQuanHeNCC	Number	2	x		Mối quan hệ với người có công. Tham chiếu danh mục quan hệ
1.1.5.3.3.3.1.17	DiDangDiTat	Number	2			Tham chiếu danh mục dị dạng, dị tật bẩm sinh
1.1.5.3.3.3.1.18	DSTTDienDoiTuong	Array				Danh sách ưu đãi. Tham chiếu "Danh sách diện đối tượng"; lặp lại thẻ TTDienDoiTuong cho mỗi phần tử, cấu trúc thẻ con như mục 1.1.5.3.3.4 (DSTTDienDoiTuong)
1.1.5.3.3.3.1.19	DSTTUuDaiKhac	Array				Tham chiếu "Danh sách ưu đãi khác"; lặp lại thẻ TTUuDaiKhac cho mỗi phần tử, cấu trúc thẻ con như mục 1.1.5.3.3.5 (DSTTUuDaiKhac)
1.1.5.3.3.4	DSTTDienDoiTuong	Array		x		Danh sách diện đối tượng; lặp lại thẻ TTDienDoiTuong cho mỗi phần tử

1.1.5.3.3.4.1	TTDienDoiTuong	Object		x	x	Thông tin diện đối tượng; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.4.1.1	DienDoiTuong	String	2	x		Tham chiếu danh mục diện đối tượng
1.1.5.3.3.4.1.2	ChiTietDienDoiTuong	String	4	x		Tham chiếu danh mục chi tiết diện đối tượng
1.1.5.3.3.4.1.3	DSCheDoHuong	Array		x		Danh sách chế độ hưởng ưu đãi; lặp lại thẻ CheDoHuong cho mỗi giá trị
1.1.5.3.3.4.1.3.1	CheDoHuong	Number	2	x	x	Chế độ hưởng ưu đãi. Tham chiếu danh mục chế độ hưởng
1.1.5.3.3.4.1.4	SoQD	String	30			Số quyết định hưởng. Số quyết định công nhận/cấp giấy chứng nhận và trợ cấp
1.1.5.3.3.4.1.5	NgayQD	String	10			Ngày tháng năm cấp quyết định. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.4.1.6	CoQuanQD	String	255			Nơi cấp quyết định. Cơ quan ban hành quyết định
1.1.5.3.3.4.1.7	SoHoSoDiaPhuongQuanLy	String	50	x		Số hồ sơ địa phương quản lý. Số hồ sơ người có công do địa phương quản lý (Không bắt buộc với Liệt sĩ)
1.1.5.3.3.4.1.8	NgayBatDauHuong	String	10			Ngày bắt đầu hưởng. Ngày tháng năm bắt đầu hưởng. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.4.1.9	NgayKetThucHuong	String	10			Ngày kết thúc hưởng. Ngày tháng năm kết thúc hưởng. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.4.1.10	TrangThaiDienDoiTuong	Number	2	x		Tham chiếu danh mục trạng thái hưởng chế độ

1.1.5.3.3.4.1.11	LyDoTamDinhChiCheDoHuong	String	500			Lý do tạm dừng/tạm đình chỉ chế độ
1.1.5.3.3.5	DSTTUuDaiKhac	Array				Danh sách ưu đãi khác; lặp lại thẻ TTUuDaiKhac cho mỗi phần tử
1.1.5.3.3.5.1	TTUuDaiKhac	Object			x	Thông tin ưu đãi khác; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.5.1.1	ThongTinBHYT	Object				Thông tin bảo hiểm y tế; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.5.1.1.1	MaSoBHYT	String	15			Mã số bảo hiểm y tế
1.1.5.3.3.5.1.1.2	NoiDKKCBBD	String	255			Nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu. Nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu
1.1.5.3.3.5.1.1.3	GiaTriTheTuNgay	String	10			Giá trị thẻ từ ngày. Ngày bắt đầu giá trị sử dụng thẻ bảo hiểm y tế. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.5.1.1.4	GiaTriTheDenNgay	String	10			Giá trị thẻ đến ngày. Ngày hết giá trị sử dụng thẻ bảo hiểm y tế. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.5.1.2	DSTTDieuDuong	Array				Danh sách thông tin điều dưỡng phục hồi sức khỏe. Thông tin điều dưỡng phục hồi sức khỏe; lặp lại thẻ TTDieuDuong cho mỗi phần tử
1.1.5.3.3.5.1.2.1	TTDieuDuong	Object			x	Thông tin điều dưỡng phục hồi sức khỏe; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.5.1.2.1.1	NamDieuDuong	Number	4			Năm điều dưỡng. Năm được hưởng điều dưỡng phục hồi sức khỏe
1.1.5.3.3.5.1.2.1.2	ChuKyDieuDuong	Number	1			Tham chiếu danh mục chu kỳ điều dưỡng

1.1.5.3.3.5.1.2.1.3	HinhThucDieuDuong	Number	1			Tham chiếu danh mục hình thức điều dưỡng
1.1.5.3.3.5.1.2.1.4	SoTienDieuDuong	Number	10			Số tiền điều dưỡng phục hồi sức khỏe (đồng/người/lần)
1.1.5.3.3.5.1.2.1.5	SoQDDieuDuong	String	30			Số quyết định phê duyệt danh sách đối tượng điều dưỡng
1.1.5.3.3.5.1.2.1.6	NgayQDDieuDuong	String	10			Ngày quyết định. Ngày tháng năm cấp quyết định. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.5.1.2.1.7	CoQuanQDDieuDuong	String	255			Cơ quan ban hành quyết định. Theo danh mục cơ quan
1.1.5.3.3.5.1.2.1.8	CoSoDieuDuong	String	255			Cơ sở điều dưỡng (chỉ áp dụng với điều dưỡng tập trung)
1.1.5.3.3.5.1.2.1.9	DDTuNgay	String	10			Điều dưỡng từ ngày. Ngày bắt đầu đợt điều dưỡng. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.5.1.2.1.10	DDDenNgay	String	10			Điều dưỡng đến ngày. Ngày kết thúc đợt điều dưỡng. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.5.1.3	DSTTDungCuChinhHinh	Array				Danh sách thông tin trợ cấp dụng cụ chỉnh hình. Thông tin cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình; lặp lại thẻ TTDungCuChinhHinh cho mỗi phần tử
1.1.5.3.3.5.1.3.1	TTDungCuChinhHinh	Object			x	Thông tin trợ cấp dụng cụ chỉnh hình; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.5.1.3.1.1	LoaiDungCu	Number	2			Loại phương tiện, dụng cụ. Tham chiếu danh

						mục loại phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình
1.1.5.3.3.5.1.3.1.2	SoLuong	Number	2			Số lượng phương tiện, dụng cụ được cấp
1.1.5.3.3.5.1.3.1.3	SoGiayChiDinh	String	30			Số giấy chỉ định của bệnh viện chuyên khoa/ cơ sở phục hồi chức năng
1.1.5.3.3.5.1.3.1.4	CoSoYTeChiDinh	String	255			Tên cơ sở y tế chỉ định
1.1.5.3.3.5.1.3.1.5	NienHanDungCu	Number	3			Niên hạn sử dụng. Số tháng sử dụng
1.1.5.3.3.5.1.3.1.6	HinhThucCap	Number	1			Tham chiếu danh mục hình thức cấp dụng cụ
1.1.5.3.3.5.1.3.1.7	MucTienCap	Number	10			Mức tiền cấp. Số tiền cấp/ giá trị phương tiện, dụng cụ (đồng)
1.1.5.3.3.5.1.3.1.8	TienDiLaiAnO	Number	10			Tiền đi lại, ăn ở. Tiền đi lại, tiền ăn trong thời gian làm phương tiện, dụng cụ (nếu có)
1.1.5.3.3.5.1.3.1.9	SoQDCap	String	30			Số quyết định cấp phương tiện, dụng cụ
1.1.5.3.3.5.1.3.1.10	NgayCap	String	10			Ngày cấp phương tiện, dụng cụ. Ngày tháng năm cấp phương tiện, dụng cụ trợ giúp. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.5.1.3.1.11	NgayCapTiepTheo	String	10			Ngày đến hạn cấp lần tiếp theo. Ngày tháng năm đến hạn cấp lần tiếp theo. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.5.1.4	DSTTTuyenSinhViecLam	Array				Danh sách thông tin ưu tiên tuyển sinh, tạo việc làm. Thông tin ưu tiên tuyển sinh, tạo việc làm; lặp lại thẻ TTTuyenSinhViecLam cho mỗi phần tử

1.1.5.3.3.5.1.4.1	TTTuyenSinhViecLam	Object			x	Thông tin ưu tiên tuyển sinh, tạo việc làm; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.5.1.4.1.1	LoaiUuTien	Number	1			Tham chiếu danh mục loại ưu tiên tuyển sinh, việc làm
1.1.5.3.3.5.1.4.1.2	SoGiayXNUuTien	String	30			Số giấy xác nhận đối tượng ưu tiên. Giấy xác nhận do cơ quan quản lý người có công cấp
1.1.5.3.3.5.1.4.1.3	NgayXNUuTien	String	10			Ngày cấp giấy xác nhận. Ngày tháng năm cấp giấy xác nhận. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.5.1.4.1.4	Nam	Number	4			Năm tuyển sinh/ tuyển dụng
1.1.5.3.3.5.1.5	DSTTGiaoDuc	Array				Danh sách thông tin hỗ trợ giáo dục. Thông tin hỗ trợ giáo dục; lặp lại thẻ TTGiaoDuc cho mỗi phần tử
1.1.5.3.3.5.1.5.1	TTGiaoDuc	Object			x	Thông tin hỗ trợ giáo dục; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.5.1.5.1.1	CapHocTrinhDo	Number	2			Tham chiếu danh mục cấp học, trình độ đào tạo
1.1.5.3.3.5.1.5.1.2	CoSoGiaoDuc	String	255			Cơ sở giáo dục đang theo học. Tên cơ sở giáo dục/ giáo dục nghề nghiệp
1.1.5.3.3.5.1.5.1.3	NamHoc	String	9			Năm học (Ví dụ: 2026-2027)
1.1.5.3.3.5.1.5.1.4	HinhThucHoTro	Number	1			Tham chiếu danh mục hình thức hỗ trợ giáo dục
1.1.5.3.3.5.1.5.1.5	MucHoTro	Number	10			Mức hỗ trợ. Số tiền hỗ trợ (đồng)
1.1.5.3.3.5.1.5.1.6	SoQDHoTro	String	30			Số quyết định hỗ trợ. Số văn bản quyết định hỗ trợ giáo dục
1.1.5.3.3.5.1.5.1.7	NgayQDHoTro	String	10			Ngày quyết định. Ngày tháng năm ban hành quyết định. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm

						thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.5.1.6	DSTTNhaO	Array				Danh sách thông tin hỗ trợ nhà ở. Thông tin hỗ trợ nhà ở; lặp lại thẻ TTNhaO cho mỗi phần tử
1.1.5.3.3.5.1.6.1	TTNhaO	Object			x	Thông tin hỗ trợ nhà ở; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.5.1.6.1.1	HinhThucHoTro	Number	1			Tham chiếu danh mục hình thức hỗ trợ nhà ở
1.1.5.3.3.5.1.6.1.2	MucHoTro	Number	10			Mức hỗ trợ. Số tiền hỗ trợ (đồng)
1.1.5.3.3.5.1.6.1.3	SoQDHoTro	String	30			Số quyết định hỗ trợ nhà ở
1.1.5.3.3.5.1.6.1.4	NgayQDHoTro	String	10			Ngày quyết định. Ngày tháng năm ban hành quyết định. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.5.1.7	DSTTMienGiamTienSDD	Array				Danh sách thông tin miễn/giảm tiền sử dụng đất. Thông tin miễn, giảm tiền sử dụng đất; lặp lại thẻ TTMienGiamTienSDD cho mỗi phần tử
1.1.5.3.3.5.1.7.1	TTMienGiamTienSDD	Object			x	Thông tin miễn/giảm tiền sử dụng đất; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.5.1.7.1.1	TruongHopApDung	Number	1			Trường hợp áp dụng. Tham chiếu danh mục trường hợp miễn/giảm tiền sử dụng đất
1.1.5.3.3.5.1.7.1.2	HinhThuc	Number	1			Tham chiếu danh mục hình thức miễn/giảm
1.1.5.3.3.5.1.7.1.3	SoTienMienGiam	Number	10			Số tiền được miễn/giảm. Số tiền sử dụng đất được miễn/giảm (đồng)
1.1.5.3.3.5.1.7.1.4	SoQD	String	30			Số quyết định miễn/giảm. Số quyết định/ thông báo miễn, giảm

1.1.5.3.3.5.1.7.1.5	NgayQD	String	10			Ngày quyết định. Ngày tháng năm ban hành quyết định. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.5.1.7.1.6	TTThuaDat	Object				Thông tin thửa đất; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.5.1.7.1.6.1	SoToBanDo	String	20			Số tờ bản đồ. Số hiệu tờ bản đồ địa chính
1.1.5.3.3.5.1.7.1.6.2	SoThua	String	20			Số thửa. Số hiệu thửa đất
1.1.5.3.3.5.1.7.1.6.3	DiaChiThuaDat	String	255			Địa chỉ thửa đất
1.1.5.3.3.5.1.8	DSTTGiaoDat	Array				Danh sách thông tin ưu tiên giao/thuê đất, mặt nước. Thông tin ưu tiên giao đất, thuê đất, mặt nước; lặp lại thẻ TTGiaoDat cho mỗi phần tử
1.1.5.3.3.5.1.8.1	TTGiaoDat	Object			x	Thông tin ưu tiên giao/thuê đất, mặt nước; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.5.1.8.1.1	LoaiUuTien	Number	1			Tham chiếu danh mục loại ưu tiên giao, thuê đất, mặt nước
1.1.5.3.3.5.1.8.1.2	SoQD	String	30			Số quyết định giao/ cho thuê. Số quyết định giao đất/ cho thuê đất, mặt nước
1.1.5.3.3.5.1.8.1.3	NgayQD	String	10			Ngày quyết định. Ngày tháng năm ban hành quyết định. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.5.1.8.1.4	CoQuanQD	String	255			Cơ quan ban hành quyết định
1.1.5.3.3.5.1.8.1.5	TTThuaDat	Object				Thông tin thửa đất; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.5.1.8.1.5.1	SoToBanDo	String	20			Số tờ bản đồ. Số hiệu tờ bản đồ địa chính
1.1.5.3.3.5.1.8.1.5.2	SoThua	String	20			Số thửa. Số hiệu thửa đất

1.1.5.3.3.5.1.8.1.5.3	DiaChiThuaDat	String	255			Địa chỉ thửa đất
1.1.5.3.3.5.1.8.1.6	ThoiHanSuDung	String	50			Thời hạn sử dụng đất/ mặt nước
1.1.5.3.3.5.1.9	DSTTVayVon	Array				Danh sách thông tin vay vốn ưu đãi. Thông tin vay vốn; lặp lại thẻ TTVayVon cho mỗi phần tử
1.1.5.3.3.5.1.9.1	TTVayVon	Object			x	Thông tin vay vốn ưu đãi; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.5.1.9.1.1	SoHopDongVay	String	30			Số hợp đồng/ khế ước vay. Số hợp đồng tín dụng/ khế ước nhận nợ
1.1.5.3.3.5.1.9.1.2	ChuongTrinhVay	String	255			Chương trình cho vay. Chương trình tín dụng chính sách
1.1.5.3.3.5.1.9.1.3	ThoiGianVay	String	10			Thời gian vay (ngày giải ngân). Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.5.1.10	DSTTMienGiamThue	Array				Danh sách thông tin miễn/giảm thuế. Thông tin miễn giảm thuế; lặp lại thẻ TTMienGiamThue cho mỗi phần tử
1.1.5.3.3.5.1.10.1	TTMienGiamThue	Object			x	Thông tin miễn/giảm thuế; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.5.1.10.1.1	LoaiThue	Number	2			Loại thuế, phí, lệ phí. Tham chiếu danh mục loại thuế được miễn/giảm
1.1.5.3.3.5.1.10.1.2	KyTinhThue	String	10			Kỳ tính thuế. Kỳ/ năm tính thuế
1.1.5.3.3.5.1.10.1.3	HinhThuc	Number	1			Tham chiếu danh mục hình thức miễn/giảm
1.1.5.3.3.5.1.10.1.4	SoTienMienGiam	Number	10			Số tiền được miễn/giảm. Số tiền thuế được miễn/giảm (đồng)
1.1.5.3.3.5.1.10.1.5	SoQD	String	30			Số quyết định/ thông báo miễn, giảm thuế
1.1.5.3.3.5.1.10.1.6	NgayQD	String	10			Ngày quyết định. Ngày tháng năm ban hành

						quyết định. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.5.1.11	DSTTTangQua	Array				Danh sách thông tin tặng quà tri ân. Thông tin tặng quà tri ân người có công; lặp lại thẻ TTTangQua cho mỗi phần tử
1.1.5.3.3.5.1.11.1	TTTangQua	Object			x	Thông tin tặng quà tri ân; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.5.1.11.1.1	NamTangQua	Number	4			Năm tặng quà
1.1.5.3.3.5.1.11.1.2	DipTangQua	Number	1			Tham chiếu danh mục dịp tặng quà
1.1.5.3.3.5.1.11.1.3	CapTangQua	Number	1			Tham chiếu danh mục cấp tặng quà
1.1.5.3.3.5.1.11.1.4	HinhThucQua	Number	1			Tham chiếu danh mục hình thức quà
1.1.5.3.3.5.1.11.1.5	GiaTriQua	Number	10			Giá trị quà (đồng). Giá trị quà tặng
1.1.5.3.3.5.1.11.1.6	SoQD	String	30			Số quyết định/ kế hoạch tặng quà. Văn bản làm căn cứ tặng quà
1.1.5.3.3.5.1.11.1.7	NgayNhanQua	String	10			Ngày nhận quà. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.6	ThongTinHDCMTruoc1945	Object				Thông tin của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.6.1	NgayVaoDang	String	10			Ngày tháng năm vào Đảng. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.6.2	NgayChinhThucVaoDang	String	10			Ngày tháng năm chính thức vào Đảng. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định

						dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.6.3	ChucVu	String	50			Chức vụ
1.1.5.3.3.6.4	DonVi	String	255			Cơ quan, đơn vị công tác
1.1.5.3.3.6.5	HDCMTuNgay	String	10			Tham gia hoạt động cách mạng từ ngày tháng năm. Ngày tháng năm bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.6.6	HDCMDenNgay	String	10			Tham gia hoạt động cách mạng đến ngày tháng năm. Tham gia hoạt động cách mạng đến ngày. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.6.7	ThamNienCongTac	Number	2			Thâm niên công tác
1.1.5.3.3.7	ThongTinHDCMTienKhoiNghia	Object				Thông tin của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.7.1	NgayVaoDang	String	10			Ngày tháng năm vào Đảng. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.7.2	NgayChinhThucVaoDang	String	10			Ngày tháng năm chính thức vào Đảng. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.7.3	ChucVu	String	50			Chức vụ
1.1.5.3.3.7.4	DonVi	String	255			Cơ quan, đơn vị công tác
1.1.5.3.3.7.5	HDCMTuNgay	String	10			Tham gia hoạt động cách mạng từ ngày tháng năm. Ngày tháng năm bắt đầu

						tham gia hoạt động cách mạng. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.7.6	HDCMDenNgay	String	10			Tham gia hoạt động cách mạng đến ngày tháng năm. Tham gia hoạt động cách mạng đến ngày. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.8	ThongTinNhiemCDHH	Object				Thông tin của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.8.1	DSTTQuaTrinhCongTac	Array				Danh sách quá trình tham gia công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; lặp lại thẻ TTQuaTrinhCongTac cho mỗi phần tử
1.1.5.3.3.8.1.1	TTQuaTrinhCongTac	Object			x	Quá trình tham gia công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.8.1.1.1	ThamGiaCTCDPVCDTuNgay	String	10			Tham gia công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu từ ngày tháng năm. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.8.1.1.2	ThamGiaCTCDPVCDDenNgay	String	10			Tham gia công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu đến ngày tháng năm. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.8.1.1.3	ChucVu	String	50			Chức vụ khi tham gia công tác chiến đấu phục vụ chiến đấu

1.1.5.3.3.8.1.1.4	DiaDanhHD	String	255			Địa danh hoạt động
1.1.5.3.3.8.2	DSTinhTrangPhoiNhiemCDHH	Array				Danh sách tình trạng phơi nhiễm chất độc hóa học. Một người có thể có nhiều tình trạng phơi nhiễm; lặp lại thẻ TinhTrangPhoiNhiemCDHH cho mỗi giá trị
1.1.5.3.3.8.2.1	TinhTrangPhoiNhiemCDHH	Number	10		x	Tham chiếu danh mục Tình trạng phơi nhiễm chất độc hóa học
1.1.5.3.3.9	ThongTinBiTuDay	Object				Thông tin của người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.9.1	ThoiKyHD	String	100			Thời kỳ hoạt động
1.1.5.3.3.9.2	DichBatTuDayTuNgay	String	10			Thời gian địch bắt tù đày từ ngày. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.9.3	DichBatTuDayDenNgay	String	10			Thời gian địch bắt tù đày đến ngày. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.9.4	DonVi	String	255			Cơ quan/đơn vị khi bị bắt
1.1.5.3.3.9.5	CapBac	String	50			Cấp bậc khi bị bắt
1.1.5.3.3.9.6	ChucVu	String	50			Chức vụ khi bị bắt
1.1.5.3.3.9.7	LyDoBiBat	String	500			Lý do khi bị bắt
1.1.5.3.3.10	ThongTinHDKhangChien	Object				Thông tin của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.10.1	ThoiGianHDKC	String	255			Thời gian hoạt động kháng chiến
1.1.5.3.3.10.2	DonVi	String	255			Đơn vị công tác
1.1.5.3.3.10.3	CapBac	String	50			Cấp bậc
1.1.5.3.3.10.4	ChucVu	String	50			Chức vụ

1.1.5.3.3.10.5	LoaiHinhDuocKhenTang	Number	2			Tham chiếu danh mục loại hình được khen tặng
1.1.5.3.3.11	ThongTinGiupDoCM	Object				Thông tin của người có công giúp đỡ cách mạng; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.11.1	ThoiGianHDKC	String	255			Thời gian hoạt động kháng chiến
1.1.5.3.3.11.2	DonVi	String	255			Đơn vị công tác
1.1.5.3.3.11.3	CapBac	String	50			Cấp bậc
1.1.5.3.3.11.4	ChucVu	String	50			Chức vụ
1.1.5.3.3.11.5	ThanhTichGiupDoCM	Number	2			Tham chiếu danh mục thành tích giúp đỡ cách mạng
1.1.5.3.3.11.6	LoaiHinhDuocKhenTang	Number	2			Tham chiếu danh mục loại hình được khen tặng
1.1.5.3.3.12	ThongTinThuongBinh	Object				Thông tin thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.12.1	NgayNhapNgu	String	10			Ngày tháng năm nhập ngũ/tham gia công tác. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.12.2	NgayPhucVien	String	10			Ngày tháng năm phục viên/xuất ngũ/nghỉ hưu. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.12.3	DSTTBiThuong	Array				Danh sách thông tin bị thương. Danh sách thông tin các lần bị thương; lặp lại thẻ TTBiThuong cho mỗi phần tử
1.1.5.3.3.12.3.1	TTBiThuong	Object			x	Thông tin bị thương; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.12.3.1.1	LanBiThuong	Number	2			Lần bị thương thứ (1, 2, 3, ...)
1.1.5.3.3.12.3.1.2	SoGiayChungNhan	String	30			Số giấy chứng nhận bị thương
1.1.5.3.3.12.3.1.3	NgayCapGCN	String	10			Ngày tháng năm cấp giấy chứng nhận bị thương.

						Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.12.3.1.4	NoiCapGCN	String	255			Nơi cấp giấy chứng nhận
1.1.5.3.3.12.3.1.5	NgayBiThuong	String	10			Ngày tháng năm bị thương. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.12.3.1.6	CoQuanDonVi	String	255			Cơ quan, đơn vị khi bị thương
1.1.5.3.3.12.3.1.7	CapBac	String	50			Cấp bậc khi bị thương. Tham chiếu danh mục cấp bậc
1.1.5.3.3.12.3.1.8	ChucVu	String	50			Chức vụ khi bị thương. Tham chiếu danh mục chức vụ
1.1.5.3.3.12.3.1.9	NoiBiThuong	String	255			Nơi bị thương
1.1.5.3.3.12.3.1.10	TruongHopBiThuong	String	500			Trường hợp bị thương
1.1.5.3.3.12.3.1.11	CacVetThuong	String	500			Các vết thương thực thể. Các vết thương
1.1.5.3.3.12.4	DSTTGiamDinhYKhoa	Array				Danh sách thông tin giám định y khoa. Danh sách các lần giám định y khoa; lặp lại thẻ TTGiamDinhYKhoa cho mỗi phần tử
1.1.5.3.3.12.4.1	TTGiamDinhYKhoa	Object			x	Thông tin giám định y khoa; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.12.4.1.1	SoBienBanGDYK	String	30			Số biên bản giám định y khoa
1.1.5.3.3.12.4.1.2	NgayLapBienBanGDYK	String	10			Ngày lập biên bản giám định y khoa. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.12.4.1.3	NoiCapBienBanGDYK	String	255			Nơi cấp biên bản giám định y khoa
1.1.5.3.3.12.4.1.4	TyLeTonThuongCoThe	Number	3			Tỷ lệ % tổn thương cơ thể

1.1.5.3.3.12.4.1.5	VetThuongGiamDinh	String	255			Các vết thương giám định
1.1.5.3.3.13	ThongTinBenhBinh	Object				Thông tin bệnh binh; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.13.1	NgayNhapNgu	String	10			Ngày tháng năm nhập ngũ/tham gia công tác. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.13.2	NgayPhucVien	String	10			Ngày tháng năm phục viên/xuất ngũ/nghỉ hưu. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.13.3	TTBiBenh	Object				Thông tin bị bệnh; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.13.3.1	SoGiayChungNhan	String	30			Số giấy chứng nhận bị bệnh. Số giấy chứng nhận bệnh binh
1.1.5.3.3.13.3.2	NgayCapGCN	String	10			Ngày tháng năm cấp giấy chứng nhận bị bệnh. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.13.3.3	NoiCapGCN	String	255			Nơi cấp giấy chứng nhận
1.1.5.3.3.13.3.4	NgayBiBenh	String	10			Ngày tháng năm bị bệnh. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.13.3.5	CoQuanDonVi	String	255			Cơ quan, đơn vị khi bị bệnh
1.1.5.3.3.13.3.6	CapBac	String	50			Cấp bậc khi bị bệnh
1.1.5.3.3.13.3.7	ChucVu	String	50			Chức vụ khi bị bệnh
1.1.5.3.3.13.3.8	TruongHopBiBenh	String	500			Trường hợp bị bệnh
1.1.5.3.3.13.4	TTGiamDinhYKhoa	Object				Thông tin giám định y khoa; gồm các thẻ con dưới đây

1.1.5.3.3.13.4.1	SoBienBanGDYK	String	30			Số biên bản giám định y khoa
1.1.5.3.3.13.4.2	NgayLapBienBanGDYK	String	10			Ngày lập biên bản giám định y khoa. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.13.4.3	NoiCapBienBanGDYK	String	255			Nơi cấp biên bản giám định y khoa
1.1.5.3.3.13.4.4	TyLeTonThuongCoThe	Number	3			Tỷ lệ tổn thương cơ thể do bệnh tật
1.1.5.3.3.14	ThongTinLietSi	Object				Thông tin liệt sĩ; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.14.1	TTBangTQGC	Object				Thông tin bằng Tổ quốc ghi công. Số bằng Tổ quốc ghi công; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.14.1.1	SoBangTQGC	String	100			Số bằng Tổ quốc ghi công. Ký hiệu, số bằng, đối tượng và thời kỳ
1.1.5.3.3.14.1.2	SoQD	String	30			Quyết định cấp bằng
1.1.5.3.3.14.1.3	NgayQD	String	10			Ngày tháng năm cấp quyết định. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.14.1.4	CoQuanQD	String	255			Cơ quan cấp quyết định
1.1.5.3.3.14.2	NgayNhapNgu	String	10			Ngày tháng năm nhập ngũ của liệt sĩ. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.14.3	NgayVaoDang	String	10			Ngày tháng năm vào Đảng của liệt sĩ. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.14.4	NgayHySinh	String	10			Ngày tháng năm hy sinh của liệt sĩ. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm

						thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.14.5	SoGiayBaoTu	String	30			Số giấy báo tử/Số giấy chứng nhận hy sinh. Số giấy báo tử hoặc số giấy chứng nhận hy sinh
1.1.5.3.3.14.6	NgayCapGiayBaoTu	String	10			Ngày tháng năm cấp giấy báo tử/ giấy chứng nhận hy sinh. Ngày cấp giấy báo tử hoặc giấy chứng nhận hy sinh. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.14.7	DonViCapGiayBaoTu	String	255			Cơ quan/ đơn vị cấp giấy báo tử, giấy chứng nhận hy sinh
1.1.5.3.3.14.8	DonViCongTac	String	255			Cơ quan/ đơn vị công tác. Cơ quan/ đơn vị của liệt sĩ trước khi hy sinh
1.1.5.3.3.14.9	CapBac	String	50			Cấp bậc của liệt sĩ trước khi hy sinh
1.1.5.3.3.14.10	ChucVu	String	50			Chức vụ của liệt sĩ trước khi hy sinh
1.1.5.3.3.14.11	NoiHySinh	String	255			Nơi hy sinh (giấy báo tử/ giấy chứng nhận hy sinh). Nơi hy sinh theo giấy báo tử/ giấy chứng nhận hy sinh
1.1.5.3.3.14.12	NoiHySinhDVKCC	String	255			Nơi hy sinh do đơn vị khác cung cấp
1.1.5.3.3.14.13	TruongHopHySinh	Number	2			Tham chiếu DM trường hợp hy sinh
1.1.5.3.3.14.14	NoiAnTangBanDau	String	255			Nơi an táng ban đầu (giấy báo tử/ giấy chứng nhận hy sinh). Nơi an táng ban đầu kèm theo vị trí mộ nếu có theo giấy báo tử/ giấy chứng nhận hy sinh
1.1.5.3.3.14.15	NoiAnTangBanDauDVKCC	String	255			Nơi an táng ban đầu do đơn vị khác cung cấp
1.1.5.3.3.14.16	TTQuyetDinhXDDT	Object				Thông tin quyết định xác định danh tính; gồm các thẻ con dưới đây

1.1.5.3.3.14.16.1	SoQDXDDT	String	30			Số quyết định xác định danh tính
1.1.5.3.3.14.16.2	NgayXacDinhDT	String	10			Ngày tháng năm ban hành quyết định xác định danh tính. Định dạng yyyy-MM-dd; hồ sơ chỉ có năm hoặc tháng, năm thì theo định dạng yyyy hoặc yyyy-MM
1.1.5.3.3.14.16.3	CoQuanBanHanhQD	String	255			Cơ quan ban hành quyết định xác định danh tính
1.1.5.3.3.14.17	HinhThucQLMo	Number	1			Hình thức quản lý mộ liệt sĩ: 1 - Mộ do gia đình quản lý; 2 - Mộ trong nghĩa trang liệt sĩ; 0 – Chưa xác định
1.1.5.3.3.14.18	TTMoGiaDinhQL	Object				Địa chỉ mộ do gia đình quản lý; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.14.18.1	DiaChiChiTiet	String	250			Địa chỉ chi tiết nơi đặt mộ (thôn, xóm, ...)
1.1.5.3.3.14.18.2	MaXa	String	5			Mã Xã/ Phường/ Đặc khu nơi đặt mộ
1.1.5.3.3.14.18.3	MaTinh	String	2			Mã Tỉnh/ Thành phố nơi đặt mộ
1.1.5.3.3.14.19	TTNghiaTrang	Object				Thông tin mộ trong nghĩa trang; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.14.19.1	TenNghiaTrang	String	100			Tên nghĩa trang
1.1.5.3.3.14.19.2	SoMo	String	100			Số mộ
1.1.5.3.3.14.19.3	HangMo	String	100			Hàng mộ trong nghĩa trang
1.1.5.3.3.14.19.4	LoMo	String	100			Lô mộ trong nghĩa trang
1.1.5.3.3.14.19.5	KhuMo	String	100			Khu mộ trong nghĩa trang
1.2	ds:Signature	Object				Khối chữ ký số XAdES/XMLDSig của thẻ Content (namespace http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#). Có khi phiên tích hợp yêu cầu ký số;

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối

URL	https://api.ngsp.gov.vn/api-ncc/chia-se/nguoi-co-cong
Request header	
Method	POST
Content-Type	application/xml; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ API Login – mục 2.2.1)
Request Body	
Body	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Envelope xmlns="https://csdlncc.moha.gov.vn"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</MessageId> <Data> <Page>1</Page> <Size>20</Size> <HoTen>Nguyễn Đình Bình</HoTen> <SoCCCD/> <SoCMND/> <MaChiTietLoaiDoiTuong>0101</MaChiTietLoaiDoiTuong> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML của thẻ Content khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </Envelope>
Response Body	
Thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://csdlncc.moha.gov.vn"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</RefMessageId> <ErrorCode>0</ErrorCode> <Message>success</Message> <Data> <RequestId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd040</RequestId> <ReceivedAt>2026-10-13T08:30:00.000Z</ReceivedAt> <Result> <TongSoBanGhi>1</TongSoBanGhi> <LastId>840572</LastId> <BanGhi> <Id>840572</Id> <ThongTinChung> <HoTen>Nguyễn Đình Bình</HoTen> <BiDanh/> <NgaySinh/> <GioiTinh>1</GioiTinh> <SoCCCD/> <NgayCapCCCD/> <NoiCapCCCD/> <SoCMT/> <NgayCapCMT/> <NoiCapCMT/> <QueQuan/> <ThuongTru> <DiaChiChiTiet/> <MaXa/> <MaTinh/> </ThuongTru>

```
<DanToc/>
<TonGiao/>
<SoDienThoai/>
<TrangThai>2</TrangThai>
<NgayChet/>
<SoGiayBaoTu/>
<NgayCapGiayBaoTu/>
<NoiQuanLyHoSo>
<MaXa/>
<MaTinh>38</MaTinh>
</NoiQuanLyHoSo>
</ThongTinChung>
<DSThanNhan>
<ThanNhan>
<HoTen>Nguyễn Đình Tình</HoTen>
<NgaySinh/>
<GioiTinh>1</GioiTinh>
<SoCCCD/>
<NgayCapCCCD/>
<NoiCapCCCD/>
<SoCMT/>
<NgayCapCMT/>
<NoiCapCMT/>
<QueQuan/>
<ThuongTru>
<DiaChiChiTiet/>
<MaXa/>
<MaTinh/>
</ThuongTru>
<TrangThai>0</TrangThai>
<SoGiayXacNhanTN/>
<NgayXacNhanTN/>
<NoiXacNhanTN/>
<MoiQuanHeNCC>1</MoiQuanHeNCC>
<DiDangDiTat/>
</ThanNhan>
</DSThanNhan>
<DSTTDienDoiTuong>
<TTDienDoiTuong>
<DienDoiTuong>01</DienDoiTuong>
<ChiTietDienDoiTuong>0101</ChiTietDienDoiTuong>
<DSCheDoHuong>
<CheDoHuong>3</CheDoHuong>
</DSCheDoHuong>
<SoQD>9979 TTg</SoQD>
<NgayQD>1977-05-05</NgayQD>
<CoQuanQD>Chính phủ</CoQuanQD>
<SoHoSoDiaPhuongQuanLy/>
<NgayBatDauHuong/>
<NgayKetThucHuong/>
<TrangThaiDienDoiTuong>1</TrangThaiDienDoiTuong>
<LyDoTamDinhChiCheDoHuong/>
</TTDienDoiTuong>
</DSTTDienDoiTuong>
<ThongTinLietSi>
<TTBangTQGC>
<SoBangTQGC/>
```

	<SoQD/> <NgayQD/> <CoQuanQD/> </TTBangTQGC> <NgayNhapNgu/> <NgayVaoDang/> <NgayHySinh/> <SoGiayBaoTu/> <NgayCapGiayBaoTu/> <DonViCapGiayBaoTu/> <DonViCongTac/> <CapBac/> <ChucVu/> <NoiHySinh/> <NoiHySinhDVKCC/> <TruongHopHySinh/> <NoiAnTangBanDau/> <NoiAnTangBanDauDVKCC/> <TTQuyetDinhXDDT> <SoQDXDDT/> <NgayXacDinhDT/> <CoQuanBanHanhQD/> </TTQuyetDinhXDDT> <HinhThucQLMo/> <TTMoGiaDinhQL> <DiaChiChiTiet/> <MaXa/> <MaTinh/> </TTMoGiaDinhQL> <TTNghiaTrang> <TenNghiaTrang/> <SoMo/> <HangMo/> <LoMo/> <KhuMo/> </TTNghiaTrang> </ThongTinLietSi> </BanGhi> </Result> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML response khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </ResponseEnvelope>
Không thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://csdlncc.moha.gov.vn"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</RefMessageId> <ErrorCode>CS_001</ErrorCode> <Message>Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: Unrecognized field "maLoaiDoiTuong"</Message> </Content> </ResponseEnvelope>

II. Điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu về Người hưởng chính sách ưu đãi người có công

1. Yêu cầu về an toàn hệ thống thông tin

Các hệ thống thông tin kết nối với CSDL Người có công phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin tối thiểu từ Cấp độ 3 trở lên, tuân thủ quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

2. Kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn thông tin

Trước khi thực hiện kết nối hoặc khi có sự điều chỉnh, thay đổi thiết kế hệ thống thông tin đã kết nối, cơ quan, tổ chức chủ quản phải thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định. Việc kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn thông tin phải được thực hiện bởi cơ quan có chức năng của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng theo quy định của pháp luật.

3. Ký số và bảo mật dữ liệu trao đổi

Bản tin gửi tới CSDL Người có công phải được ký số theo chuẩn XAdES bằng chứng thư số do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp; CSDL Người có công thực hiện xác thực chữ ký trước khi tiếp nhận. Dữ liệu chia sẻ ra ngoài cũng được ký số trước khi rời hệ thống và bên nhận có trách nhiệm xác thực chữ ký trước khi sử dụng.

4. Tài khoản tích hợp và phân quyền

Mỗi hệ thống thông tin khai thác được cấp một tài khoản tích hợp riêng. Quyền gọi được cấp theo từng API tại mục 2.1 (theo đường dẫn); tài khoản chỉ gọi được các API đã được phê duyệt, gọi API chưa được cấp quyền sẽ bị cổng API từ chối (HTTP 403). Bên khai thác có trách nhiệm bảo mật thông tin tài khoản, chỉ sử dụng dữ liệu đúng mục đích đã đăng ký và không chia sẻ lại cho bên thứ ba khi chưa được cơ quan quản lý CSDL Người có công đồng ý. Dữ liệu chia sẻ có chứa dữ liệu cá nhân; bên khai thác phải xử lý, lưu trữ và bảo vệ dữ liệu theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

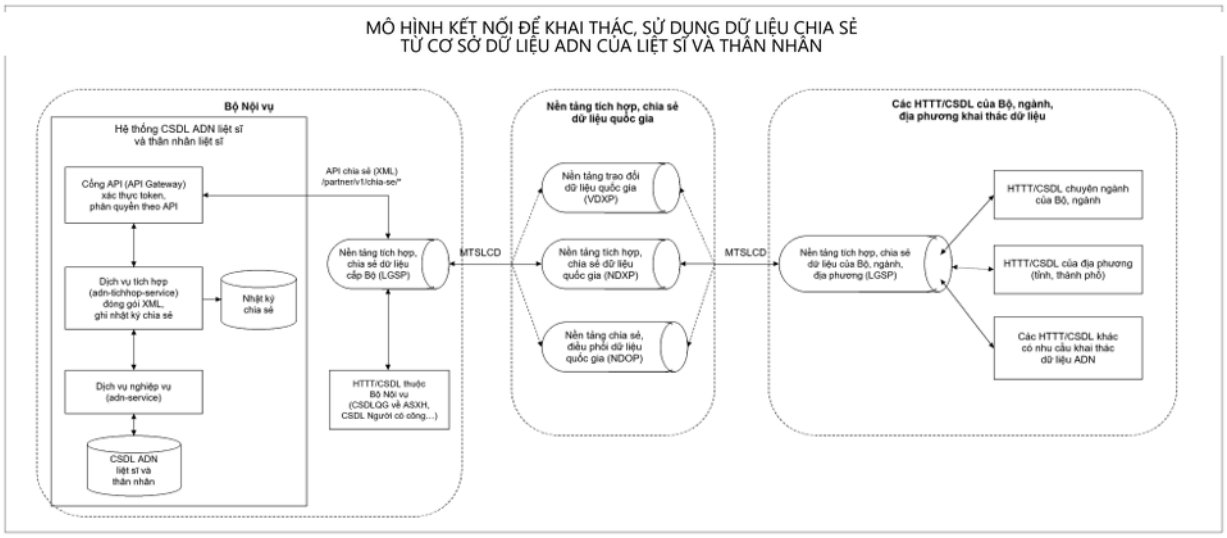
PHỤ LỤC II

Hướng dẫn kỹ thuật kết nối để khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu ADN của liệt sĩ và thân nhân

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày /11/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

I. Phương thức kết nối

1. Mô hình kết nối



Hình 1: Mô hình kết nối để khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu ADN của liệt sĩ và thân nhân

Cơ sở dữ liệu ADN của liệt sĩ và thân nhân (sau đây gọi là CSDL ADN) cung cấp các dịch vụ chia sẻ dữ liệu (API) để các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có nhu cầu được khai thác, sử dụng dữ liệu ADN liệt sĩ, thân nhân liệt sĩ và các dữ liệu liên quan theo phạm vi được phép.

Các dịch vụ cung cấp đều được xác thực bằng token và kiểm tra quyền theo từng dịch vụ, mỗi dịch vụ một đường dẫn riêng. Bản tin trao đổi ở định dạng XML, đóng gói theo cấu trúc Envelope/ResponseEnvelope của hệ thống CSDL ADN. Toàn bộ các yêu cầu gọi đến dịch vụ sẽ được ghi nhật ký để phục vụ quản lý và giám sát. Đường dẫn /partner/v1/chia-se/* thể hiện tại Hình 1 là đường dẫn nội bộ của Cổng API (API Gateway) thuộc hệ thống; đơn vị khai thác không gọi trực tiếp đường dẫn này mà sử dụng địa chỉ kết nối do nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu công bố tại mục 2.2 của Phụ lục này.

Hệ thống thông tin thuộc Bộ Nội vụ kết nối qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ (LGSP); hệ thống ngoài Bộ Nội vụ kết nối qua NDXP, VDXP hoặc NDOP. Toàn bộ kết nối được thực hiện trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước, tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và Khung kiến trúc số của Bộ Nội vụ.

2. Đặc tả kỹ thuật kết nối (API)

2.1. Danh sách API của hệ thống

STT	Tên dịch vụ	Mã dịch vụ	Mô tả
1	API Login (lấy token)	adn_token	Khởi tạo token cho phép thực hiện phiên làm việc; token được đính kèm trong tiêu đề Authorization của tất cả các API chia sẻ dữ liệu.
2	API chia sẻ dữ liệu thông tin ADN liệt sĩ	adn_liet_si	Chia sẻ danh sách hồ sơ ADN liệt sĩ (mã hồ sơ, liệt sĩ liên quan, trạng thái khóa, kết quả giải mã ADN) cho hệ thống thông tin có nhu cầu khai thác.
3	API chia sẻ dữ liệu thông tin ADN thân nhân	adn_than_nhan	Chia sẻ danh sách hồ sơ ADN thân nhân liệt sĩ (mã hồ sơ, thân nhân liên quan, trạng thái khóa, kết quả giải mã ADN) cho hệ thống thông tin có nhu cầu khai thác.
4	API chia sẻ dữ liệu thông tin di vật liệt sĩ	adn_di_vat	Chia sẻ danh sách di vật liệt sĩ (thông tin di vật, liệt sĩ/mộ gắn với di vật, nơi lưu giữ, tình trạng, hình ảnh) cho hệ thống thông tin có nhu cầu khai thác.
5	API chia sẻ dữ liệu thông tin mẫu hài cốt liệt sĩ	adn_mau_hai_cot	Chia sẻ danh sách mẫu sinh phẩm hài cốt liệt sĩ (ký hiệu mẫu, loại sinh phẩm, mộ và nơi lấy mẫu, thời gian quy tập, trung tâm giám định nhận bàn giao, trạng thái mẫu).
6	API chia sẻ dữ liệu thông tin mẫu sinh phẩm thân nhân liệt sĩ	adn_sinh_pham	Chia sẻ danh sách mẫu sinh phẩm thân nhân liệt sĩ (ký hiệu mẫu, người được lấy mẫu, liệt sĩ và quan hệ, loại sinh phẩm, ngày lấy mẫu).
7	API chia sẻ dữ liệu thông tin khai quật	adn_khai_quat	Chia sẻ danh sách đợt tìm kiếm, khai quật, quy tập hài cốt liệt sĩ (tên đợt, thời gian thực hiện, cơ quan thực hiện, trạng thái, số lần bàn giao và số mẫu hài cốt đã quy tập).
8	API chia sẻ dữ liệu kết quả giám định ADN	adn_kq_giam_dinh	Chia sẻ danh sách yêu cầu kiểm tra, kết luận và kết quả giám định ADN (mẫu hài cốt, số mẫu thân nhân, mẫu thân nhân có quan hệ huyết thống, trạng thái giám định).
9	API chia sẻ dữ liệu đồng đội liệt sĩ	adn_dong_doi	Chia sẻ danh sách thông tin do đồng đội liệt sĩ cung cấp (họ tên đồng đội, liệt sĩ liên quan, ngày cung cấp, nội dung, tình trạng xác minh).

2.2. Chi tiết API

Các API dưới đây được mô tả theo trục NDXP. Với trục VDXP và NDOP, nội dung bản tin, cấu trúc dữ liệu và cách xử lý kết quả hoàn toàn tương tự; đơn vị chỉ cần thay địa chỉ kết nối và cách lấy token theo hướng dẫn của từng trục.

2.2.1. API Login (adn_token)

- Mục đích: Khởi tạo token cho phép thực hiện phiên làm việc; token được đính kèm trong tiêu đề Authorization của tất cả các API chia sẻ dữ liệu khi kết nối qua nền tảng tích hợp (LGSP/NDXP/VDXP/NDOP). Bên dưới đây là ví dụ về API lấy token từ nền NDXP:

- Đặc tả đầu vào API

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	grant_type	String	x	Nhận giá trị cố định: client_credentials

- Đặc tả đầu ra API

TT	Tên trường	Định dạng	Mô tả
1	access_token	String	Chuỗi token được cấp tương ứng với một phiên làm việc
2	scope	String	Phạm vi quyền của token do nền tảng tích hợp cấp (ví dụ: am_application_scope default)
3	token_type	String	Kiểu token
4	expires_in	Number	Thời gian token có hiệu lực (giây)

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	
URL	https://api.ngsp.gov.vn/token
Request header	
Method	POST
Content-Type	application/x-www-form-urlencoded
Authorization	Basic Base64(consumer-key:consumer-secret)(cặp khóa consumer-key và consumer-secret do NDXP cung cấp cho mỗi HTTT)
Request Body	
Body	grant_type=client_credentials
Response Body	

200 OK	{
	"access_token": "d32ed548-e44c-350c-b047-c10f829064fb",
	"scope": "am_application_scope default",
	"token_type": "Bearer",
	"expires_in": 3600
	}

2.2.2. API chia sẻ dữ liệu thông tin ADN liệt sĩ (adn_liet_si)

- Mục đích: API dùng để chia sẻ danh sách hồ sơ ADN liệt sĩ (mã hồ sơ, liệt sĩ liên quan, trạng thái khóa, kết quả giải mã ADN) cho hệ thống thông tin có nhu cầu khai thác. Dữ liệu chia sẻ trên phạm vi toàn quốc, không bao gồm hồ sơ đã xóa; sắp xếp theo thời điểm tạo hồ sơ giảm dần.

- Đặc tả đầu vào API

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Mô tả
1	Envelope	Object		x	Thẻ gốc của request XML
1.1	Content	Object		x	Thẻ bọc dữ liệu nghiệp vụ, khuyến nghị giữ thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	100	x	Mã định danh duy nhất cho mỗi lần gọi API (khuyến nghị UUID); được trả lại ở thẻ RefMessageId của response để đối soát
1.1.2	Data	Object			Điều kiện lọc và phân trang của API
1.1.2.1	Page	Number			Số thứ tự trang, tính từ 1. Không truyền = 1
1.1.2.2	Size	Number			Số bản ghi trên một trang. Không truyền = 20; lớn hơn 1.000 trả lỗi CS_002
1.1.2.3	MaHS	String			Mã hồ sơ ADN, tìm gần đúng
1.1.2.4	LietSiLienQuan	String			Mã hoặc họ tên liệt sĩ liên quan, tìm gần đúng

1.1.2.5	DaKhoa	Boolean			Trạng thái hồ sơ: false - Đang mở; true - Đã khóa. Không truyền = tất cả
1.2	ds:Signature	Object			Khối chữ ký số XAdES/XMLDSig của thẻ Content (namespace http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#). Có khi phiên tích hợp yêu cầu ký số; ở phiên bản hiện tại hệ thống chưa kiểm tra khối này

- Đặc tả đầu ra API

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
1	ResponseEnvelope	Object		x		Thẻ gốc của response XML
1.1	Content	Object		x		Thẻ bọc dữ liệu response, thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	36	x		Mã định danh response do hệ thống sinh (UUID)
1.1.2	RefMessageId	String	100			Trả lại MessageId của request; rỗng khi không đọc được request
1.1.3	ErrorCode	String	10	x		Mã xử lý: 0 - thành công; CS_xxx - lỗi: 0 (HTTP 200): success (Thành công; thẻ Data chứa RequestId, ReceivedAt và Result) CS_001 (HTTP 400): Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: <…> (Body không phải XML hợp lệ, thiếu thẻ Content/MessageId, hoặc trong Data có thẻ không thuộc đặc tả) CS_002 (HTTP 400): Số bản ghi mỗi trang vượt quá giới hạn 1.000. (Giá trị Size > 1000) CS_003 (HTTP 503): Không kết nối được hệ thống CSDL ADN, vui lòng gọi lại sau. (Lỗi tạm thời, gọi lại sau) CS_004 (HTTP 502): Hệ thống CSDL ADN xử lý lỗi. Chi tiết: <…> (Gồm cả điều kiện lọc không hợp lệ (đến ngày nhỏ hơn từ ngày, từ khóa quá dài); xem phần Chi tiết) Response thành công trả HTTP 200 với ErrorCode = 0; response lỗi trả HTTP Code tương ứng theo danh sách mã lỗi ở trên, nội dung vẫn theo cấu trúc ResponseEnvelope nhưng không có thẻ Data. Lỗi token không hợp lệ/hết hạn (HTTP 401) hoặc tài khoản chưa được cấp quyền gọi API (HTTP 403) do cổng API trả về trước khi tới dịch vụ chia sẻ, nên không theo cấu trúc trên và không có nhật ký chia sẻ.
1.1.4	Message	String		x		Trạng thái xử lý: success khi thành công; nội dung lỗi (có thể kèm "Chi tiết: …") khi lỗi
1.1.5	Data	Object				Chỉ có khi thành công
1.1.5.1	RequestId	String	36	x		Mã yêu cầu do hệ thống sinh (dùng khi cần tra soát)

1.1.5.2	ReceivedAt	String		x		Thời điểm hệ thống xử lý yêu cầu, định dạng ISO-8601 UTC (yyyy-MM-ddTHH:mm:ss.SSSZ)
1.1.5.3	Result	Object		x		Kết quả nghiệp vụ của API
1.1.5.3.1	TongSoBanGhi	Number		x		Tổng số bản ghi thỏa điều kiện lọc
1.1.5.3.2	LastId	String	36			Id của bản ghi cuối trong trang; rỗng khi trang không có bản ghi
1.1.5.3.3	BanGhi	Array			x	Mỗi bản ghi là một thẻ <BanGhi>, lặp lại theo số bản ghi của trang; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.1	Id	String		x		Định danh hồ sơ ADN (UUID)
1.1.5.3.3.2	MaHS	String		x		Mã hồ sơ ADN, dạng HSADN-LS-xxxxxx
1.1.5.3.3.3	LietSiId	String				Định danh liệt sĩ liên quan (UUID)
1.1.5.3.3.4	LietSiMa	String				Mã liệt sĩ
1.1.5.3.3.5	HoVaTen	String				Họ và tên liệt sĩ
1.1.5.3.3.6	NgayGui	String				Ngày tạo hồ sơ. Định dạng YYYY-MM-DD
1.1.5.3.3.7	DaKhoa	Boolean		x		Hồ sơ đã khóa hay chưa
1.1.5.3.3.8	DaCoKetLuan	Boolean		x		Hồ sơ đã có kết luận (kết quả giải mã ADN) hay chưa
1.1.5.3.3.9	KetLuan	String				Kết quả giải mã ADN
1.1.5.3.3.10	NgayKetLuan	String				Ngày có kết luận. Định dạng YYYY-MM-DD
1.1.5.3.3.11	GhiChu	String				Ghi chú
1.2	ds:Signature	Object				Khối chữ ký số của response. Ở phiên bản hiện tại hệ thống chưa ký: khối này để trống (chỉ có chú thích)

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	
URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiADN/chia-se/adn-liet-si
Request header	
Method	POST
Content-Type	application/xml; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ API Login – mục 2.2.1)
Request Body	
Body	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Envelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</MessageId> <Data> <Page>1</Page> <Size>20</Size> <MaHS>HSADN-LS</MaHS> <LietSiLienQuan>Nguyễn Văn</LietSiLienQuan> <DaKhoa>false</DaKhoa>

	</Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML của thẻ Content khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </Envelope>
Response Body	
Thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</RefMessageId> <ErrorCode>0</ErrorCode> <Message>success</Message> <Data> <RequestId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd040</RequestId> <ReceivedAt>2026-10-12T08:30:00.000Z</ReceivedAt> <Result> <TongSoBanGhi>1</TongSoBanGhi> <LastId>0192f3a1-5c7e-7b21-9d0a-3e4f5a6b7c8d</LastId> <BanGhi> <Id>0192f3a1-5c7e-7b21-9d0a-3e4f5a6b7c8d</Id> <MaHS>HSADN-LS-000123</MaHS> <LietSiId>0191aa10-2b3c-7d4e-8f50-61728394a5b6</LietSiId> <LietSiMa>LS-01-000456</LietSiMa> <HoVaTen>Nguyễn Văn An</HoVaTen> <NgayGui>2026-09-15</NgayGui> <DaKhoa>false</DaKhoa> <DaCoKetLuan>true</DaCoKetLuan> <KetLuan>Đã giải mã đủ 23 locus STR</KetLuan> <NgayKetLuan>2026-09-30</NgayKetLuan> <GhiChu/> </BanGhi> </Result> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML response khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </ResponseEnvelope>
Không thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</RefMessageId> <ErrorCode>CS_001</ErrorCode> <Message>Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: Unrecognized field "MaHoSo"</Message> </Content> </ResponseEnvelope>

2.2.3. API chia sẻ dữ liệu thông tin ADN thân nhân (adn_than_nhan)

- Mục đích: API dùng để chia sẻ danh sách hồ sơ ADN thân nhân liệt sĩ (mã hồ sơ, thân nhân liên quan, trạng thái khóa, kết quả giải mã ADN) cho hệ thống thông tin có nhu

cầu khai thác. Dữ liệu chia sẻ trên phạm vi toàn quốc, không bao gồm hồ sơ đã xóa; sắp xếp theo thời điểm tạo hồ sơ giảm dần.

- Đặc tả đầu vào API

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Mô tả
1	Envelope	Object		x	Thẻ gốc của request XML
1.1	Content	Object		x	Thẻ bọc dữ liệu nghiệp vụ, khuyến nghị giữ thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	100	x	Mã định danh duy nhất cho mỗi lần gọi API (khuyến nghị UUID); được trả lại ở thẻ RefMessageId của response để đối soát
1.1.2	Data	Object			Điều kiện lọc và phân trang của API
1.1.2.1	Page	Number			Số thứ tự trang, tính từ 1. Không truyền = 1
1.1.2.2	Size	Number			Số bản ghi trên một trang. Không truyền = 20; lớn hơn 1.000 trả lỗi CS_002
1.1.2.3	MaHS	String			Mã hồ sơ ADN, tìm gần đúng
1.1.2.4	ThanNhanLienQuan	String			Mã hoặc họ tên thân nhân liên quan, tìm gần đúng
1.1.2.5	DaKhoa	Boolean			Trạng thái hồ sơ: false - Đang mở; true - Đã khóa. Không truyền = tất cả
1.2	ds:Signature	Object			Khối chữ ký số XAdES/XMLDSig của thẻ Content (namespace http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#). Có khi phiên tích hợp yêu cầu ký số; ở phiên bản hiện tại hệ thống chưa kiểm tra khối này

- Đặc tả đầu ra API

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
1	ResponseEnvelope	Object		x		Thẻ gốc của response XML
1.1	Content	Object		x		Thẻ bọc dữ liệu response, thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	36	x		Mã định danh response do hệ thống sinh (UUID)
1.1.2	RefMessageId	String	100			Trả lại MessageId của request; rỗng khi không đọc được request
1.1.3	ErrorCode	String	10	x		Mã xử lý: 0 - thành công; CS_xxx - lỗi: 0 (HTTP 200): success (Thành công; thẻ Data chứa RequestId, ReceivedAt và Result) CS_001 (HTTP 400): Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: <…> (Body không phải XML hợp lệ, thiếu thẻ Content/MessageId, hoặc trong Data có thẻ không thuộc đặc tả) CS_002 (HTTP 400): Số bản ghi mỗi trang vượt quá giới hạn 1.000. (Giá trị Size > 1000)

						CS_003 (HTTP 503): Không kết nối được hệ thống CSDL ADN, vui lòng gọi lại sau. (Lỗi tạm thời, gọi lại sau) CS_004 (HTTP 502): Hệ thống CSDL ADN xử lý lỗi. Chi tiết: <…> (Gồm cả điều kiện lọc không hợp lệ (đến ngày nhỏ hơn từ ngày, từ khóa quá dài); xem phần Chi tiết) Response thành công trả HTTP 200 với ErrorCode = 0; response lỗi trả HTTP Code tương ứng theo danh sách mã lỗi ở trên, nội dung vẫn theo cấu trúc ResponseEnvelope nhưng không có thẻ Data. Lỗi token không hợp lệ/hết hạn (HTTP 401) hoặc tài khoản chưa được cấp quyền gọi API (HTTP 403) do cổng API trả về trước khi tới dịch vụ chia sẻ, nên không theo cấu trúc trên và không có nhật ký chia sẻ.
1.1.4	Message	String		x		Trạng thái xử lý: success khi thành công; nội dung lỗi (có thể kèm "Chi tiết: …") khi lỗi
1.1.5	Data	Object				Chỉ có khi thành công
1.1.5.1	RequestId	String	36	x		Mã yêu cầu do hệ thống sinh (dùng khi cần tra soát)
1.1.5.2	ReceivedAt	String		x		Thời điểm hệ thống xử lý yêu cầu, định dạng ISO-8601 UTC (yyyy-MM-ddTHH:mm:ss.SSSZ)
1.1.5.3	Result	Object		x		Kết quả nghiệp vụ của API
1.1.5.3.1	TongSoBanGhi	Number		x		Tổng số bản ghi thỏa điều kiện lọc
1.1.5.3.2	LastId	String	36			Id của bản ghi cuối trong trang; rỗng khi trang không có bản ghi
1.1.5.3.3	BanGhi	Array			x	Mỗi bản ghi là một thẻ <BanGhi>, lặp lại theo số bản ghi của trang; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.1	Id	String		x		Định danh hồ sơ ADN (UUID)
1.1.5.3.3.2	MaHS	String		x		Mã hồ sơ ADN, dạng HSADN-TN-xxxxxx
1.1.5.3.3.3	ThanNhanId	String				Định danh thân nhân liên quan (UUID)
1.1.5.3.3.4	ThanNhanMa	String				Mã thân nhân
1.1.5.3.3.5	HoTen	String				Họ và tên thân nhân
1.1.5.3.3.6	NgayGui	String				Ngày tạo hồ sơ. Định dạng YYYY-MM-DD
1.1.5.3.3.7	DaKhoa	Boolean		x		Hồ sơ đã khóa hay chưa
1.1.5.3.3.8	DaCoKetLuan	Boolean		x		Hồ sơ đã có kết luận (kết quả giải mã ADN) hay chưa
1.1.5.3.3.9	KetLuan	String				Kết quả giải mã ADN
1.1.5.3.3.10	NgayKetLuan	String				Ngày có kết luận. Định dạng YYYY-MM-DD
1.1.5.3.3.11	GhiChu	String				Ghi chú
1.2	ds:Signature	Object				Khối chữ ký số của response. Ở phiên bản hiện tại hệ thống chưa ký: khối này để trống (chỉ có chú thích)

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	
URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiADN/chia-se/adn-than-nhan
Request header	
Method	POST
Content-Type	application/xml; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ API Login – mục 2.2.1)
Request Body	
Body	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Envelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</MessageId> <Data> <Page>1</Page> <Size>20</Size> <ThanNhanLienQuan>Trần Thị</ThanNhanLienQuan> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML của thẻ Content khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </Envelope>
Response Body	
Thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</RefMessageId> <ErrorCode>0</ErrorCode> <Message>success</Message> <Data> <RequestId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd040</RequestId> <ReceivedAt>2026-10-12T08:30:00.000Z</ReceivedAt> <Result> <TongSoBanGhi>1</TongSoBanGhi> <LastId>0192f3b2-6d8f-7c32-8e1b-4f5a6b7c8d9e</LastId> <BanGhi> <Id>0192f3b2-6d8f-7c32-8e1b-4f5a6b7c8d9e</Id> <MaHS>HSADN-TN-000087</MaHS> <ThanNhanId>0191bb21-3c4d-7e5f-9a61-728394a5b6c7</ThanNhanId> <ThanNhanMa>TN-01-000321</ThanNhanMa> <HoTen>Trần Thị Bình</HoTen> <NgayGui>2026-09-16</NgayGui> <DaKhoa>true</DaKhoa> <DaCoKetLuan>true</DaCoKetLuan> <KetLuan>Đã giải mã đủ 23 locus STR</KetLuan> <NgayKetLuan>2026-10-01</NgayKetLuan> <GhiChu/> </BanGhi> </Result> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML response khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature>

	</ResponseEnvelope>
Không thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</RefMessageId> <ErrorCode>CS_001</ErrorCode> <Message>Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: Unrecognized field "ThanNhan"</Message> </Content> </ResponseEnvelope>

2.2.4. API chia sẻ dữ liệu thông tin di vật liệt sĩ (adn_di_vat)

- Mục đích: API dùng để chia sẻ danh sách di vật liệt sĩ (thông tin di vật, liệt sĩ/mộ gắn với di vật, nơi lưu giữ, tình trạng, hình ảnh) cho hệ thống thông tin có nhu cầu khai thác. Dữ liệu chia sẻ trên phạm vi toàn quốc, không bao gồm di vật đã xóa; sắp xếp theo thời điểm tạo giảm dần.

- Đặc tả đầu vào API

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Mô tả
1	Envelope	Object		x	Thẻ gốc của request XML
1.1	Content	Object		x	Thẻ bọc dữ liệu nghiệp vụ, khuyến nghị giữ thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	100	x	Mã định danh duy nhất cho mỗi lần gọi API (khuyến nghị UUID); được trả lại ở thẻ RefMessageId của response để đối soát
1.1.2	Data	Object			Điều kiện lọc và phân trang của API
1.1.2.1	Page	Number			Số thứ tự trang, tính từ 1. Không truyền = 1
1.1.2.2	Size	Number			Số bản ghi trên một trang. Không truyền = 20; lớn hơn 1.000 trả lỗi CS_002
1.1.2.3	MaDiVat	String			Mã di vật, tìm gần đúng
1.1.2.4	TenDV	String			Tên di vật, tìm gần đúng
1.1.2.5	LietSiLienQuan	String			Mã hoặc họ tên liệt sĩ liên quan, tìm gần đúng
1.1.2.6	MoLietSiLienQuan	String			Mã mộ liệt sĩ liên quan, tìm gần đúng
1.1.2.7	TinhTrang	Number	1		Tình trạng: 1 - Còn nguyên vẹn; 2 - Hư hỏng một phần; 3 - Hư hỏng nặng. Không truyền = tất cả
1.1.2.8	NoiLuuGiu	String			Nơi lưu giữ, tìm gần đúng
1.2	ds:Signature	Object			Khối chữ ký số XAdES/XMLDSig của thẻ Content (namespace http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#). Có khi phiên tích hợp yêu cầu ký số; ở phiên bản hiện tại hệ thống chưa kiểm tra khối này

- Đặc tả đầu ra API

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
1	ResponseEnvelope	Object		x		Thẻ gốc của response XML
1.1	Content	Object		x		Thẻ bọc dữ liệu response, thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	36	x		Mã định danh response do hệ thống sinh (UUID)
1.1.2	RefMessageId	String	100			Trả lại MessageId của request; rỗng khi không đọc được request
1.1.3	ErrorCode	String	10	x		Mã xử lý: 0 - thành công; CS_xxx - lỗi: 0 (HTTP 200): success (Thành công; thẻ Data chứa RequestId, ReceivedAt và Result) CS_001 (HTTP 400): Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: <…> (Body không phải XML hợp lệ, thiếu thẻ Content/MessageId, hoặc trong Data có thẻ không thuộc đặc tả) CS_002 (HTTP 400): Số bản ghi mỗi trang vượt quá giới hạn 1.000. (Giá trị Size > 1000) CS_003 (HTTP 503): Không kết nối được hệ thống CSDL ADN, vui lòng gọi lại sau. (Lỗi tạm thời, gọi lại sau) CS_004 (HTTP 502): Hệ thống CSDL ADN xử lý lỗi. Chi tiết: <…> (Gồm cả điều kiện lọc không hợp lệ (đến ngày nhỏ hơn từ ngày, từ khóa quá dài); xem phần Chi tiết) Response thành công trả HTTP 200 với ErrorCode = 0; response lỗi trả HTTP Code tương ứng theo danh sách mã lỗi ở trên, nội dung vẫn theo cấu trúc ResponseEnvelope nhưng không có thẻ Data. Lỗi token không hợp lệ/hết hạn (HTTP 401) hoặc tài khoản chưa được cấp quyền gọi API (HTTP 403) do cổng API trả về trước khi tới dịch vụ chia sẻ, nên không theo cấu trúc trên và không có nhật ký chia sẻ.
1.1.4	Message	String		x		Trạng thái xử lý: success khi thành công; nội dung lỗi (có thể kèm "Chi tiết: …") khi lỗi
1.1.5	Data	Object				Chỉ có khi thành công
1.1.5.1	RequestId	String	36	x		Mã yêu cầu do hệ thống sinh (dùng khi cần tra soát)
1.1.5.2	ReceivedAt	String		x		Thời điểm hệ thống xử lý yêu cầu, định dạng ISO-8601 UTC (yyyy-MM-ddTHH:mm:ss.SSSZ)
1.1.5.3	Result	Object		x		Kết quả nghiệp vụ của API
1.1.5.3.1	TongSoBanGhi	Number		x		Tổng số bản ghi thỏa điều kiện lọc
1.1.5.3.2	LastId	String	36			Id của bản ghi cuối trong trang; rỗng khi trang không có bản ghi

1.1.5.3.3	BanGhi	Array			x	Mỗi bản ghi là một thẻ <BanGhi>, lặp lại theo số bản ghi của trang; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.1	Id	String		x		Định danh di vật (UUID)
1.1.5.3.3.2	MaDiVat	String		x		Mã di vật
1.1.5.3.3.3	TenDV	String				Tên di vật
1.1.5.3.3.4	GanVoi	Number				Di vật gắn với: 1 - Liệt sĩ; 2 - Mộ vô danh
1.1.5.3.3.5	LietSiId	String				Định danh liệt sĩ liên quan (UUID)
1.1.5.3.3.6	LietSiMa	String				Mã liệt sĩ
1.1.5.3.3.7	HoVaTen	String				Họ và tên liệt sĩ
1.1.5.3.3.8	MoLietSiId	String				Định danh mộ liệt sĩ liên quan (UUID)
1.1.5.3.3.9	MaMoLietSi	String				Mã mộ liệt sĩ
1.1.5.3.3.10	MoTrongNghiaTrang	Boolean				Mộ nằm trong nghĩa trang liệt sĩ hay không
1.1.5.3.3.11	MaDinhDanhNTLS	String				Định danh nghĩa trang (UUID)
1.1.5.3.3.12	TenNghiaTrang	String				Tên nghĩa trang
1.1.5.3.3.13	ViTriMo	String				Vị trí mộ: Khu - Lô - Hàng - Vị trí
1.1.5.3.3.14	DiaChi	String				Địa chỉ chi tiết mộ ngoài nghĩa trang
1.1.5.3.3.15	Tinh	String				Mã tỉnh địa chỉ mộ (DM đơn vị hành chính)
1.1.5.3.3.16	Xa	String				Mã xã địa chỉ mộ (DM đơn vị hành chính)
1.1.5.3.3.17	DiaChiMo	String				Địa chỉ mộ ghép: Chi tiết, Xã, Tỉnh
1.1.5.3.3.18	SoLuongDV	Number				Số lượng
1.1.5.3.3.19	NoiLuuGiu	String				Nơi lưu giữ
1.1.5.3.3.20	TinhTrang	Number				Tình trạng: 1 - Còn nguyên vẹn; 2 - Hư hỏng một phần; 3 - Hư hỏng nặng
1.1.5.3.3.21	NgayTiepNhan	String				Ngày tiếp nhận. Định dạng YYYY-MM-DD
1.1.5.3.3.22	NgayBanGiao	String				Ngày bàn giao. Định dạng YYYY-MM-DD
1.1.5.3.3.23	PhuongAnXuLy	String				Phương án xử lý
1.1.5.3.3.24	MoTa	String				Mô tả di vật
1.1.5.3.3.25	HinhAnh	Array			x	Danh sách tệp hình ảnh di vật; lặp lại thẻ HinhAnh cho mỗi phần tử, mỗi thẻ gồm: Ma (mã tệp trên file service), Ten (tên tệp), Size (dung lượng, byte), Hash
1.1.5.3.3.26	NguonDuLieu	Number				Nguồn dữ liệu: 1 - Nhập trực tiếp
1.1.5.3.3.27	NguonDuLieuTen	String				Tên nguồn dữ liệu
1.2	ds:Signature	Object				Khối chữ ký số của response. Ở phiên bản hiện tại hệ thống chưa ký: khối này để trống (chỉ có chú thích)

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	
URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiADN/chia-se/di-vat-liet-si
Request header	
Method	POST
Content-Type	application/xml; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ API Login – mục 2.2.1)
Request Body	

Body	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Envelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</MessageId> <Data> <Page>1</Page> <Size>20</Size> <TenDV>Huy hiệu</TenDV> <TinhTrang>1</TinhTrang> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML của thẻ Content khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </Envelope>
Response Body	
Thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</RefMessageId> <ErrorCode>0</ErrorCode> <Message>success</Message> <Data> <RequestId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd040</RequestId> <ReceivedAt>2026-10-12T08:30:00.000Z</ReceivedAt> <Result> <TongSoBanGhi>1</TongSoBanGhi> <LastId>0192c1d2-7e8f-7a90-b1c2-d3e4f5a6b7c8</LastId> <BanGhi> <Id>0192c1d2-7e8f-7a90-b1c2-d3e4f5a6b7c8</Id> <MaDiVat>DV-000045</MaDiVat> <LietSiId>0191aa10-2b3c-7d4e-8f50-61728394a5b6</LietSiId> <LietSiMa>LS-01-000456</LietSiMa> <HoVaTen>Nguyễn Văn An</HoVaTen> <MoLietSiId/> <MaMoLietSi/> <SoLuongDV>1</SoLuongDV> <NoiLuuGiu>Nhà truyền thống huyện</NoiLuuGiu> <TinhTrang>1</TinhTrang> <NgayTiepNhan>2026-08-20</NgayTiepNhan> <MoTa>Huy hiệu Chiến sĩ giải phóng</MoTa> <HinhAnh> <Ma>f3a9c1e2</Ma> <Ten>huy-hieu.jpg</Ten> <Size>245760</Size> <Hash>b1946ac9</Hash> </HinhAnh> <TenDV>Huy hiệu</TenDV> <GanVoi>1</GanVoi> <MoTrongNghiaTrang/> <MaDinhDanhNTLS/> <TenNghiaTrang/> <ViTriMo/> <DiaChi/> <Tinh/> <Xa/>

	<DiaChiMo/> <NgayBanGiao/> <PhuongAnXuLy/> <NguonDuLieu>1</NguonDuLieu> <NguonDuLieuTen>Nhập trực tiếp</NguonDuLieuTen> </BanGhi> </Result> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML response khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </ResponseEnvelope>
Không thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</RefMessageId> <ErrorCode>CS_001</ErrorCode> <Message>Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: Unrecognized field "TenDiVat"</Message> </Content> </ResponseEnvelope>

2.2.5. API chia sẻ dữ liệu thông tin mẫu hài cốt liệt sĩ (adn_mau_hai_cot)

- Mục đích: API dùng để chia sẻ danh sách mẫu sinh phẩm hài cốt liệt sĩ (ký hiệu mẫu, loại sinh phẩm, mộ và nơi lấy mẫu, thời gian quy tập, trung tâm giám định nhận bàn giao, trạng thái mẫu). Dữ liệu chia sẻ trên phạm vi toàn quốc, không bao gồm mẫu đã xóa; sắp xếp theo thời điểm tạo giảm dần.

- Đặc tả đầu vào API

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Mô tả
1	Envelope	Object		x	Thẻ gốc của request XML
1.1	Content	Object		x	Thẻ bọc dữ liệu nghiệp vụ, khuyến nghị giữ thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	100	x	Mã định danh duy nhất cho mỗi lần gọi API (khuyến nghị UUID); được trả lại ở thẻ RefMessageId của response để đối soát
1.1.2	Data	Object			Điều kiện lọc và phân trang của API
1.1.2.1	Page	Number			Số thứ tự trang, tính từ 1. Không truyền = 1
1.1.2.2	Size	Number			Số bản ghi trên một trang. Không truyền = 20; lớn hơn 1.000 trả lỗi CS_002
1.1.2.3	KyHieuMauLS	String			Ký hiệu mẫu, tìm gần đúng
1.1.2.4	NguonDuLieu	Number	1		Nguồn dữ liệu: 1 - Đồng bộ BQP; 2 - Đồng bộ BCA; 3 - Nhập tay. Không truyền = tất cả
1.1.2.5	TrangThai	Number	1		Trạng thái mẫu: 1 - Chờ bàn giao; 2 - Đã bàn giao TTGĐ; 3 - Đã có kết quả xét nghiệm

1.1.2.6	MaMo	String			Mã mộ, tìm gần đúng
1.1.2.7	LietSiNghiNgo	String			Họ tên hoặc bí danh liệt sĩ nghi ngờ, tìm gần đúng
1.1.2.8	DonViLayMau	String			Đơn vị lấy mẫu, tìm gần đúng
1.1.2.9	ThoiGianQuyTapTu	String	10		Thời gian quy tập từ ngày. Định dạng YYYY-MM-DD
1.1.2.10	ThoiGianQuyTapDen	String	10		Thời gian quy tập đến ngày. Định dạng YYYY-MM-DD; không nhỏ hơn từ ngày
1.1.2.11	MaDotGiaoNhan	String			Mã đợt giao nhận (biên bản bàn giao TTGĐ), tìm gần đúng
1.1.2.12	MaLoaiMau	String			Mã loại mẫu (DM Loại mẫu)
1.1.2.13	MaDinhDanhNTLS	String	36		Định danh nghĩa trang lấy mẫu (UUID)
1.1.2.14	DotTimKiemId	String	36		Định danh đợt tìm kiếm, quy tập (UUID)
1.1.2.15	MaTrungTamGiamDinh	String			Mã trung tâm giám định nhận bàn giao (DM trung tâm giám định)
1.1.2.16	NgayBanGiaoTu	String	10		Ngày bàn giao TTGĐ từ ngày. Định dạng YYYY-MM-DD
1.1.2.17	NgayBanGiaoDen	String	10		Ngày bàn giao TTGĐ đến ngày. Định dạng YYYY-MM-DD; không nhỏ hơn từ ngày
1.2	ds:Signature	Object			Khối chữ ký số XAdES/XMLDSig của thẻ Content (namespace http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#). Có khi phiên tích hợp yêu cầu ký số; ở phiên bản hiện tại hệ thống chưa kiểm tra khối này

- Đặc tả đầu ra API

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
1	ResponseEnvelope	Object		x		Thẻ gốc của response XML
1.1	Content	Object		x		Thẻ bọc dữ liệu response, thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	36	x		Mã định danh response do hệ thống sinh (UUID)
1.1.2	RefMessageId	String	100			Trả lại MessageId của request; rỗng khi không đọc được request
1.1.3	ErrorCode	String	10	x		Mã xử lý: 0 - thành công; CS_xxx - lỗi: 0 (HTTP 200): success (Thành công; thẻ Data chứa RequestId, ReceivedAt và Result) CS_001 (HTTP 400): Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: <…> (Body không phải XML hợp lệ, thiếu thẻ Content/MessageId, hoặc trong Data có thẻ không thuộc đặc tả) CS_002 (HTTP 400): Số bản ghi mỗi trang vượt quá giới hạn 1.000. (Giá trị Size > 1000) CS_003 (HTTP 503): Không kết nối được hệ thống CSDL ADN, vui lòng gọi lại sau. (Lỗi tạm thời, gọi lại sau)

						CS_004 (HTTP 502): Hệ thống CSDL ADN xử lý lỗi. Chi tiết: <…> (Gồm cả điều kiện lọc không hợp lệ (đến ngày nhỏ hơn từ ngày, từ khóa quá dài); xem phần Chi tiết) Response thành công trả HTTP 200 với ErrorCode = 0; response lỗi trả HTTP Code tương ứng theo danh sách mã lỗi ở trên, nội dung vẫn theo cấu trúc ResponseEnvelope nhưng không có thẻ Data. Lỗi token không hợp lệ/hết hạn (HTTP 401) hoặc tài khoản chưa được cấp quyền gọi API (HTTP 403) do cổng API trả về trước khi tới dịch vụ chia sẻ, nên không theo cấu trúc trên và không có nhật ký chia sẻ.
1.1.4	Message	String		x		Trạng thái xử lý: success khi thành công; nội dung lỗi (có thể kèm "Chi tiết: …") khi lỗi
1.1.5	Data	Object				Chỉ có khi thành công
1.1.5.1	RequestId	String	36	x		Mã yêu cầu do hệ thống sinh (dùng khi cần tra soát)
1.1.5.2	ReceivedAt	String		x		Thời điểm hệ thống xử lý yêu cầu, định dạng ISO-8601 UTC (yyyy-MM-ddTHH:mm:ss.SSSZ)
1.1.5.3	Result	Object		x		Kết quả nghiệp vụ của API
1.1.5.3.1	TongSoBanGhi	Number		x		Tổng số bản ghi thỏa điều kiện lọc
1.1.5.3.2	LastId	String	36			Id của bản ghi cuối trong trang; rỗng khi trang không có bản ghi
1.1.5.3.3	BanGhi	Array			x	Mỗi bản ghi là một thẻ <BanGhi>, lặp lại theo số bản ghi của trang; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.1	Id	String		x		Định danh mẫu (UUID)
1.1.5.3.3.2	KyHieuMauLS	String		x		Ký hiệu mẫu
1.1.5.3.3.3	LoaiMau	Array			x	Các loại mẫu của mẫu hài cốt (DM Loại mẫu); lặp lại thẻ LoaiMau cho mỗi loại
1.1.5.3.3.3.1	MaLoaiMau	String				Mã loại mẫu theo DM Loại mẫu
1.1.5.3.3.3.2	TenLoaiMau	String				Tên loại mẫu
1.1.5.3.3.4	MauBanGiao	String				Số lượng theo loại sinh phẩm, VD: 01 răng, 02 xương
1.1.5.3.3.5	MoLietSiId	String				Định danh mộ liệt sĩ (UUID)
1.1.5.3.3.6	MaMo	String				Mã mộ
1.1.5.3.3.7	NoiLayMau	String				Nơi lấy mẫu: Tên nghĩa trang - Khu - Lô - Hàng - Mộ
1.1.5.3.3.8	ThoiGianQuyTap	String				Thời gian quy tập. Định dạng YYYY-MM-DD
1.1.5.3.3.9	NguonDuLieu	Number				Nguồn dữ liệu: 1 - Đồng bộ BQP; 2 - Đồng bộ BCA; 3 - Nhập tay
1.1.5.3.3.10	TenNguonDuLieu	String				Tên nguồn dữ liệu
1.1.5.3.3.11	MaTrungTamGiamDinh	String				Mã trung tâm giám định nhận bàn giao
1.1.5.3.3.12	TenTrungTamGiamDinh	String				Tên trung tâm giám định; rỗng khi mẫu chưa bàn giao

1.1.5.3.3.13	TrangThai	Number				Trạng thái mẫu: 1: Chờ bàn giao; 2: Đã bàn giao TTGĐ; 3: Đã có kết quả xét nghiệm
1.1.5.3.3.14	TenTrangThai	String				Tên trạng thái mẫu
1.1.5.3.3.15	CoTheSua	Boolean				Cờ hiển thị của màn hình nghiệp vụ, bên khai thác bỏ qua
1.1.5.3.3.16	CoTheBanGiao	Boolean				Cờ hiển thị của màn hình nghiệp vụ, bên khai thác bỏ qua
1.2	ds:Signature	Object				Khối chữ ký số của response. Ở phiên bản hiện tại hệ thống chưa ký: khối này để trống (chỉ có chú thích)

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	
URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiADN/chia-se/mau-hai-cot-liet-si
Request header	
Method	POST
Content-Type	application/xml; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ API Login – mục 2.2.1)
Request Body	
Body	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Envelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</MessageId> <Data> <Page>1</Page> <Size>50</Size> <TrangThai>2</TrangThai> <NgayBanGiaoTu>2026-09-01</NgayBanGiaoTu> <NgayBanGiaoDen>2026-09-30</NgayBanGiaoDen> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML của thẻ Content khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </Envelope>
Response Body	
Thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</RefMessageId> <ErrorCode>0</ErrorCode> <Message>success</Message> <Data> <RequestId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd040</RequestId> <ReceivedAt>2026-10-12T08:30:00.000Z</ReceivedAt> <Result> <TongSoBanGhi>1</TongSoBanGhi> <LastId>0192d4e5-8f90-7ab1-c2d3-e4f5a6b7c8d9</LastId> <BanGhi> <Id>0192d4e5-8f90-7ab1-c2d3-e4f5a6b7c8d9</Id> <KyHieuMauLS>HC-QT-2026-0012</KyHieuMauLS> <LoaiMau> <MaLoaiMau>1</MaLoaiMau>

	<TenLoaiMau>Răng</TenLoaiMau> </LoaiMau> <LoaiMau> <MaLoaiMau>0</MaLoaiMau> <TenLoaiMau>Xương dài</TenLoaiMau> </LoaiMau> <MauBanGiao>01 răng, 02 xương</MauBanGiao> <MoLietSiId>0191cc32-4d5e-7f60-a172-8394a5b6c7d8</MoLietSiId> <MaMo>MO-44-001203</MaMo> <NoiLayMau>NTLS Trường Sơn - Khu A - Lô 3 - Hàng 5 - Mộ 12</NoiLayMau> <ThoiGianQuyTap>2026-08-12</ThoiGianQuyTap> <NguonDuLieu>1</NguonDuLieu> <TenNguonDuLieu>Đồng bộ BQP</TenNguonDuLieu> <MaTrungTamGiamDinh>2</MaTrungTamGiamDinh> <TenTrungTamGiamDinh>Viện Công nghệ sinh học</TenTrungTamGiamDinh> <TrangThai>2</TrangThai> <TenTrangThai>Đã bàn giao TTGĐ</TenTrangThai> <CoTheSua>false</CoTheSua> <CoTheBanGiao>false</CoTheBanGiao> </BanGhi> </Result> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML response khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </ResponseEnvelope>
Không thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</RefMessageId> <ErrorCode>CS_001</ErrorCode> <Message>Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: Unrecognized field "KyHieuMau"</Message> </Content> </ResponseEnvelope>

2.2.6. API chia sẻ dữ liệu thông tin mẫu sinh phẩm thân nhân liệt sĩ (adn_sinh_pham)

- Mục đích: API dùng để chia sẻ danh sách mẫu sinh phẩm thân nhân liệt sĩ (ký hiệu mẫu, người được lấy mẫu, liệt sĩ và quan hệ, loại sinh phẩm, ngày lấy mẫu). Dữ liệu chia sẻ trên phạm vi toàn quốc, không bao gồm mẫu đã xóa; sắp xếp theo thời điểm tạo giảm dần.

- Đặc tả đầu vào API

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Mô tả
1	Envelope	Object		x	Thẻ gốc của request XML
1.1	Content	Object		x	Thẻ bọc dữ liệu nghiệp vụ, khuyến nghị giữ thuộc tính Id="SignedData"

1.1.1	MessageId	String	100	x	Mã định danh duy nhất cho mỗi lần gọi API (khuyến nghị UUID); được trả lại ở thẻ RefMessageId của response để đối soát
1.1.2	Data	Object			Điều kiện lọc và phân trang của API
1.1.2.1	Page	Number			Số thứ tự trang, tính từ 1. Không truyền = 1
1.1.2.2	Size	Number			Số bản ghi trên một trang. Không truyền = 20; lớn hơn 1.000 trả lỗi CS_002
1.1.2.3	KyHieuMauTN	String			Ký hiệu mẫu, tìm gần đúng
1.1.2.4	NguoiDuocLayMau	String			Họ tên hoặc số định danh cá nhân người được lấy mẫu, tìm gần đúng
1.1.2.5	LietSi	String			Họ tên hoặc số bằng Tổ quốc ghi công của liệt sĩ, tìm gần đúng
1.1.2.6	MaQuanHe	Number			Mã quan hệ với liệt sĩ (DM Mối quan hệ)
1.1.2.7	NguonDuLieu	Number	1		Nguồn dữ liệu: 1 - Đồng bộ BQP; 2 - Đồng bộ BCA; 3 - Nhập tay. Không truyền = tất cả
1.1.2.8	MaLoaiMau	String			Mã loại mẫu (DM Loại mẫu)
1.1.2.9	TuNgay	String	10		Ngày lấy mẫu từ ngày. Định dạng YYYY-MM-DD
1.1.2.10	DenNgay	String	10		Ngày lấy mẫu đến ngày. Định dạng YYYY-MM-DD; không nhỏ hơn từ ngày
1.1.2.11	Tinh	String			Mã tỉnh nơi lấy mẫu (DM đơn vị hành chính)
1.1.2.12	DonViLayMau	String			Đơn vị lấy mẫu, tìm gần đúng
1.2	ds:Signature	Object			Khối chữ ký số XAdES/XMLDSig của thẻ Content (namespace http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#). Có khi phiên tích hợp yêu cầu ký số; ở phiên bản hiện tại hệ thống chưa kiểm tra khối này

- Đặc tả đầu ra API

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
1	ResponseEnvelope	Object		x		Thẻ gốc của response XML
1.1	Content	Object		x		Thẻ bọc dữ liệu response, thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	36	x		Mã định danh response do hệ thống sinh (UUID)
1.1.2	RefMessageId	String	100			Trả lại MessageId của request; rỗng khi không đọc được request
1.1.3	ErrorCode	String	10	x		Mã xử lý: 0 - thành công; CS_xxx - lỗi: 0 (HTTP 200): success (Thành công; thẻ Data chứa RequestId, ReceivedAt và Result) CS_001 (HTTP 400): Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: <…> (Body không phải XML hợp lệ, thiếu thẻ Content/MessageId, hoặc trong Data có thẻ không thuộc đặc tả)

						CS_002 (HTTP 400): Số bản ghi mỗi trang vượt quá giới hạn 1.000. (Giá trị Size > 1000) CS_003 (HTTP 503): Không kết nối được hệ thống CSDL ADN, vui lòng gọi lại sau. (Lỗi tạm thời, gọi lại sau) CS_004 (HTTP 502): Hệ thống CSDL ADN xử lý lỗi. Chi tiết: <…> (Gồm cả điều kiện lọc không hợp lệ (đến ngày nhỏ hơn từ ngày, từ khóa quá dài); xem phần Chi tiết) Response thành công trả HTTP 200 với ErrorCode = 0; response lỗi trả HTTP Code tương ứng theo danh sách mã lỗi ở trên, nội dung vẫn theo cấu trúc ResponseEnvelope nhưng không có thẻ Data. Lỗi token không hợp lệ/hết hạn (HTTP 401) hoặc tài khoản chưa được cấp quyền gọi API (HTTP 403) do cổng API trả về trước khi tới dịch vụ chia sẻ, nên không theo cấu trúc trên và không có nhật ký chia sẻ.
1.1.4	Message	String		x		Trạng thái xử lý: success khi thành công; nội dung lỗi (có thể kèm "Chi tiết: …") khi lỗi
1.1.5	Data	Object				Chỉ có khi thành công
1.1.5.1	RequestId	String	36	x		Mã yêu cầu do hệ thống sinh (dùng khi cần tra soát)
1.1.5.2	ReceivedAt	String		x		Thời điểm hệ thống xử lý yêu cầu, định dạng ISO-8601 UTC (yyyy-MM-ddTHH:mm:ss.SSSZ)
1.1.5.3	Result	Object		x		Kết quả nghiệp vụ của API
1.1.5.3.1	TongSoBanGhi	Number		x		Tổng số bản ghi thỏa điều kiện lọc
1.1.5.3.2	LastId	String	36			Id của bản ghi cuối trong trang; rỗng khi trang không có bản ghi
1.1.5.3.3	BanGhi	Array			x	Mỗi bản ghi là một thẻ <BanGhi>, lặp lại theo số bản ghi của trang; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.1	Id	String		x		Định danh mẫu (UUID)
1.1.5.3.3.2	KyHieuMauTN	String		x		Ký hiệu mẫu
1.1.5.3.3.3	NguoiDuocLayMau	String				Họ và tên người được lấy mẫu
1.1.5.3.3.4	LietSi	String				Liệt sĩ: Họ và tên - Số bằng Tổ quốc ghi công
1.1.5.3.3.5	MaQuanHe	Number				Quan hệ của người được lấy mẫu với liệt sĩ (DM Mối quan hệ)
1.1.5.3.3.6	LoaiMau	Array			x	Các loại mẫu (DM Loại mẫu); lặp lại thẻ LoaiMau cho mỗi loại
1.1.5.3.3.6.1	MaLoaiMau	String				Mã loại mẫu theo DM Loại mẫu
1.1.5.3.3.6.2	TenLoaiMau	String				Tên loại mẫu
1.1.5.3.3.7	NgayLayMau	String				Ngày lấy mẫu. Định dạng YYYY-MM-DD
1.1.5.3.3.8	NguonDuLieu	Number				Nguồn dữ liệu: 1 - Đồng bộ BQP; 2 - Đồng bộ BCA; 3 - Nhập tay
1.1.5.3.3.9	TenNguonDuLieu	String				Tên nguồn dữ liệu

1.1.5.3.3.10	CoTheSua	Boolean				Cờ hiển thị của màn hình nghiệp vụ, bên khai thác bỏ qua
1.2	ds:Signature	Object				Khối chữ ký số của response. Ở phiên bản hiện tại hệ thống chưa ký: khối này để trống (chỉ có chú thích)

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	
URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiADN/chia-se/mau-sinh-pham-than-nhan-liet-si
Request header	
Method	POST
Content-Type	application/xml; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ API Login – mục 2.2.1)
Request Body	
Body	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Envelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</MessageId> <Data> <Page>1</Page> <Size>20</Size> <LietSi>Nguyễn Văn An</LietSi> <TuNgay>2026-01-01</TuNgay> <DenNgay>2026-09-30</DenNgay> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML của thẻ Content khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </Envelope>
Response Body	
Thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</RefMessageId> <ErrorCode>0</ErrorCode> <Message>success</Message> <Data> <RequestId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd040</RequestId> <ReceivedAt>2026-10-12T08:30:00.000Z</ReceivedAt> <Result> <TongSoBanGhi>1</TongSoBanGhi> <LastId>0192e5f6-9a01-7bc2-d3e4-f5a6b7c8d9e0</LastId> <BanGhi> <Id>0192e5f6-9a01-7bc2-d3e4-f5a6b7c8d9e0</Id> <KyHieuMauTN>TN-2026-0345</KyHieuMauTN> <NguoiDuocLayMau>Nguyễn Văn Bình</NguoiDuocLayMau> <LietSi>Nguyễn Văn An - 1234/TQGC</LietSi> <MaQuanHe>9</MaQuanHe> <LoaiMau> <MaLoaiMau>2</MaLoaiMau> <TenLoaiMau>Máu</TenLoaiMau> </LoaiMau> <NgayLayMau>2026-09-05</NgayLayMau>

	<NguonDuLieu>3</NguonDuLieu> <TenNguonDuLieu>Nhập tay</TenNguonDuLieu> <CoTheSua>false</CoTheSua> </BanGhi> </Result> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML response khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </ResponseEnvelope>
Không thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</RefMessageId> <ErrorCode>CS_001</ErrorCode> <Message>Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: Unrecognized field "NgayLayMau"</Message> </Content> </ResponseEnvelope>

2.2.7. API chia sẻ dữ liệu thông tin khai quật (adn_khai_quat)

- Mục đích: API dùng để chia sẻ danh sách đợt tìm kiếm, khai quật, quy tập hài cốt liệt sĩ (tên đợt, thời gian thực hiện, cơ quan thực hiện, trạng thái, số lần bàn giao và số mẫu hài cốt đã quy tập). Dữ liệu chia sẻ trên phạm vi toàn quốc, không bao gồm đợt đã xóa; sắp xếp theo ngày bắt đầu đợt giảm dần.

- Đặc tả đầu vào API

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Mô tả
1	Envelope	Object		x	Thẻ gốc của request XML
1.1	Content	Object		x	Thẻ bọc dữ liệu nghiệp vụ, khuyến nghị giữ thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	100	x	Mã định danh duy nhất cho mỗi lần gọi API (khuyến nghị UUID); được trả lại ở thẻ RefMessageId của response để đối soát
1.1.2	Data	Object			Điều kiện lọc và phân trang của API
1.1.2.1	Page	Number			Số thứ tự trang, tính từ 1. Không truyền = 1
1.1.2.2	Size	Number			Số bản ghi trên một trang. Không truyền = 20; lớn hơn 1.000 trả lỗi CS_002
1.1.2.3	Ten	String			Tên đợt, tìm gần đúng
1.1.2.4	CoQuanThucHien	String			Cơ quan thực hiện, tìm gần đúng
1.1.2.5	TrangThai	Number	1		Trạng thái đợt: 1 - Đang hoạt động; 0 - Ngừng hoạt động. Không truyền = tất cả
1.1.2.6	Tinh	String			Mã tỉnh địa chỉ tìm kiếm của lần bàn giao (DM đơn vị hành chính)
1.1.2.7	Xa	String			Mã xã địa chỉ tìm kiếm của lần bàn giao (DM đơn vị hành chính)

1.1.2.8	TuNgay	String	10		Lọc các đợt có thời gian thực hiện giao với khoảng [TuNgay, DenNgay]. Định dạng YYYY-MM-DD
1.1.2.9	DenNgay	String	10		Định dạng YYYY-MM-DD; không nhỏ hơn từ ngày
1.1.2.10	DonViQuyTap	String			Đơn vị quy tập của lần bàn giao, tìm gần đúng
1.1.2.11	MaDinhDanhNTLS	String	36		Định danh nghĩa trang nhận của lần bàn giao (UUID)
1.1.2.12	NgayBanGiaoTu	String	10		Ngày bàn giao từ ngày. Định dạng YYYY-MM-DD
1.1.2.13	NgayBanGiaoDen	String	10		Ngày bàn giao đến ngày. Định dạng YYYY-MM-DD; không nhỏ hơn từ ngày
1.2	ds:Signature	Object			Khối chữ ký số XAdES/XMLDSig của thẻ Content (namespace http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#). Có khi phiên tích hợp yêu cầu ký số; ở phiên bản hiện tại hệ thống chưa kiểm tra khối này

- Đặc tả đầu ra API

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
1	ResponseEnvelope	Object		x		Thẻ gốc của response XML
1.1	Content	Object		x		Thẻ bọc dữ liệu response, thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	36	x		Mã định danh response do hệ thống sinh (UUID)
1.1.2	RefMessageId	String	100			Trả lại MessageId của request; rỗng khi không đọc được request
1.1.3	ErrorCode	String	10	x		Mã xử lý: 0 - thành công; CS_xxx - lỗi: 0 (HTTP 200): success (Thành công; thẻ Data chứa RequestId, ReceivedAt và Result) CS_001 (HTTP 400): Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: <…> (Body không phải XML hợp lệ, thiếu thẻ Content/MessageId, hoặc trong Data có thẻ không thuộc đặc tả) CS_002 (HTTP 400): Số bản ghi mỗi trang vượt quá giới hạn 1.000. (Giá trị Size > 1000) CS_003 (HTTP 503): Không kết nối được hệ thống CSDL ADN, vui lòng gọi lại sau. (Lỗi tạm thời, gọi lại sau) CS_004 (HTTP 502): Hệ thống CSDL ADN xử lý lỗi. Chi tiết: <…> (Gồm cả điều kiện lọc không hợp lệ (đến ngày nhỏ hơn từ ngày, từ khóa quá dài); xem phần Chi tiết) Response thành công trả HTTP 200 với ErrorCode = 0; response lỗi trả HTTP Code tương ứng theo danh sách mã lỗi ở trên, nội dung vẫn theo cấu trúc ResponseEnvelope nhưng không có thẻ

						Data. Lỗi token không hợp lệ/hết hạn (HTTP 401) hoặc tài khoản chưa được cấp quyền gọi API (HTTP 403) do cổng API trả về trước khi tới dịch vụ chia sẻ, nên không theo cấu trúc trên và không có nhật ký chia sẻ.
1.1.4	Message	String		x		Trạng thái xử lý: success khi thành công; nội dung lỗi (có thể kèm "Chi tiết: …") khi lỗi
1.1.5	Data	Object				Chỉ có khi thành công
1.1.5.1	RequestId	String	36	x		Mã yêu cầu do hệ thống sinh (dùng khi cần tra soát)
1.1.5.2	ReceivedAt	String		x		Thời điểm hệ thống xử lý yêu cầu, định dạng ISO-8601 UTC (yyyy-MM-ddTHH:mm:ss.SSSZ)
1.1.5.3	Result	Object		x		Kết quả nghiệp vụ của API
1.1.5.3.1	TongSoBanGhi	Number		x		Tổng số bản ghi thỏa điều kiện lọc
1.1.5.3.2	LastId	String	36			Id của bản ghi cuối trong trang; rỗng khi trang không có bản ghi
1.1.5.3.3	BanGhi	Array			x	Mỗi bản ghi là một thẻ <BanGhi>, lặp lại theo số bản ghi của trang; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.1	Id	String		x		Định danh đợt (UUID)
1.1.5.3.3.2	Ten	String		x		Tên đợt tìm kiếm, khai quật, quy tập
1.1.5.3.3.3	TuNgay	String				Thời gian thực hiện từ ngày. Định dạng YYYY-MM-DD
1.1.5.3.3.4	DenNgay	String				Thời gian thực hiện đến ngày. Định dạng YYYY-MM-DD
1.1.5.3.3.5	CoQuanThucHien	String				Cơ quan thực hiện
1.1.5.3.3.6	TrangThai	Number				Trạng thái đợt: 1 - Đang hoạt động; 0 - Ngừng hoạt động
1.1.5.3.3.7	TenTrangThai	String				Tên trạng thái
1.1.5.3.3.8	SoLanBanGiao	Number				Số lần bàn giao hài cốt liệt sĩ của đợt
1.1.5.3.3.9	SoMauHaiCot	Number				Tổng số mẫu hài cốt trong danh sách quy tập của các lần bàn giao thuộc đợt
1.2	ds:Signature	Object				Khối chữ ký số của response. Ở phiên bản hiện tại hệ thống chưa ký: khối này để trống (chỉ có chú thích)

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	
URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiADN/chia-se/khai-quat
Request header	
Method	POST
Content-Type	application/xml; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ API Login – mục 2.2.1)
Request Body	
Body	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Envelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</MessageId> <Data> <Page>1</Page>

	<Size>20</Size> <TrangThai>1</TrangThai> <Tinh>44</Tinh> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML của thẻ Content khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </Envelope>
Response Body	
Thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</RefMessageId> <ErrorCode>0</ErrorCode> <Message>success</Message> <Data> <RequestId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd040</RequestId> <ReceivedAt>2026-10-12T08:30:00.000Z</ReceivedAt> <Result> <TongSoBanGhi>1</TongSoBanGhi> <LastId>0192a0b1-c2d3-7e4f-a5b6-c7d8e9f0a1b2</LastId> <BanGhi> <Id>0192a0b1-c2d3-7e4f-a5b6-c7d8e9f0a1b2</Id> <Ten>Đợt tìm kiếm, quy tập mùa khô 2025-2026</Ten> <TuNgay>2025-11-01</TuNgay> <DenNgay>2026-04-30</DenNgay> <CoQuanThucHien>Đội K52 - Bộ CHQS tỉnh Quảng Trị</CoQuanThucHien> <TrangThai>1</TrangThai> <TenTrangThai>Đang hoạt động</TenTrangThai> <SoLanBanGiao>3</SoLanBanGiao> <SoMauHaiCot>27</SoMauHaiCot> </BanGhi> </Result> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML response khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </ResponseEnvelope>
Không thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</RefMessageId> <ErrorCode>CS_001</ErrorCode> <Message>Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: Unrecognized field "TenDot"</Message> </Content> </ResponseEnvelope>

2.2.8. API chia sẻ dữ liệu kết quả giám định ADN (adn_kq_giam_dinh)

- Mục đích: API dùng để chia sẻ danh sách yêu cầu kiểm tra, kết luận và kết quả giám định ADN (mẫu hài cốt, số mẫu thân nhân, mẫu thân nhân có quan hệ huyết thống, trạng

thái giám định). Dữ liệu chia sẻ trên phạm vi toàn quốc (không giới hạn theo trung tâm giám định), không bao gồm yêu cầu đã xóa; sắp xếp theo ngày gửi yêu cầu giảm dần.

- Đặc tả đầu vào API

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Mô tả
1	Envelope	Object		x	Thẻ gốc của request XML
1.1	Content	Object		x	Thẻ bọc dữ liệu nghiệp vụ, khuyến nghị giữ thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	100	x	Mã định danh duy nhất cho mỗi lần gọi API (khuyến nghị UUID); được trả lại ở thẻ RefMessageId của response để đối soát
1.1.2	Data	Object			Điều kiện lọc và phân trang của API
1.1.2.1	Page	Number			Số thứ tự trang, tính từ 1. Không truyền = 1
1.1.2.2	Size	Number			Số bản ghi trên một trang. Không truyền = 20; lớn hơn 1.000 trả lỗi CS_002
1.1.2.3	MaYeuCauGiamDinh	String			Mã yêu cầu, tìm gần đúng
1.1.2.4	KyHieuMauHaiCot	String			Ký hiệu mẫu hài cốt, tìm gần đúng
1.1.2.5	TrangThaiGiamDinh	Number	1		Trạng thái giám định: 0: Chưa giám định; 1: Đang giám định; 2: Đã trả kết quả; Không truyền = tất cả
1.1.2.6	KyHieuMauThanNhan	String			Ký hiệu mẫu thân nhân, tìm gần đúng
1.1.2.7	DonViGuiYeuCau	String			Đơn vị gửi yêu cầu, tìm gần đúng
1.1.2.8	NguonDuLieu	Number	1		Nguồn dữ liệu: 1 - Đồng bộ BQP; 2 - Đồng bộ BCA; 3 - Nhập tay. Không truyền = tất cả
1.1.2.9	CoMauQuanHe	Boolean			true - có ít nhất 1 cặp mẫu có quan hệ huyết thống; false - không có. Không truyền = tất cả
1.1.2.10	TuNgay	String	10		Ngày gửi yêu cầu từ ngày. Định dạng YYYY-MM-DD
1.1.2.11	DenNgay	String	10		Ngày gửi yêu cầu đến ngày. Định dạng YYYY-MM-DD; không nhỏ hơn từ ngày
1.2	ds:Signature	Object			Khối chữ ký số XAdES/XMLDSig của thẻ Content (namespace http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#). Có khi phiên tích hợp yêu cầu ký số; ở phiên bản hiện tại hệ thống chưa kiểm tra khối này

- Đặc tả đầu ra API

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
1	ResponseEnvelope	Object		x		Thẻ gốc của response XML
1.1	Content	Object		x		Thẻ bọc dữ liệu response, thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	36	x		Mã định danh response do hệ thống sinh (UUID)

1.1.2	RefMessageId	String	100			Trả lại MessageId của request; rỗng khi không đọc được request
1.1.3	ErrorCode	String	10	x		Mã xử lý: 0 - thành công; CS_xxx - lỗi: 0 (HTTP 200): success (Thành công; thẻ Data chứa RequestId, ReceivedAt và Result) CS_001 (HTTP 400): Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: <…> (Body không phải XML hợp lệ, thiếu thẻ Content/MessageId, hoặc trong Data có thẻ không thuộc đặc tả) CS_002 (HTTP 400): Số bản ghi mỗi trang vượt quá giới hạn 1.000. (Giá trị Size > 1000) CS_003 (HTTP 503): Không kết nối được hệ thống CSDL ADN, vui lòng gọi lại sau. (Lỗi tạm thời, gọi lại sau) CS_004 (HTTP 502): Hệ thống CSDL ADN xử lý lỗi. Chi tiết: <…> (Gồm cả điều kiện lọc không hợp lệ (đến ngày nhỏ hơn từ ngày, từ khóa quá dài); xem phần Chi tiết) Response thành công trả HTTP 200 với ErrorCode = 0; response lỗi trả HTTP Code tương ứng theo danh sách mã lỗi ở trên, nội dung vẫn theo cấu trúc ResponseEnvelope nhưng không có thẻ Data. Lỗi token không hợp lệ/hết hạn (HTTP 401) hoặc tài khoản chưa được cấp quyền gọi API (HTTP 403) do cổng API trả về trước khi tới dịch vụ chia sẻ, nên không theo cấu trúc trên và không có nhật ký chia sẻ.
1.1.4	Message	String		x		Trạng thái xử lý: success khi thành công; nội dung lỗi (có thể kèm "Chi tiết: …") khi lỗi
1.1.5	Data	Object				Chỉ có khi thành công
1.1.5.1	RequestId	String	36	x		Mã yêu cầu do hệ thống sinh (dùng khi cần tra soát)
1.1.5.2	ReceivedAt	String		x		Thời điểm hệ thống xử lý yêu cầu, định dạng ISO-8601 UTC (yyyy-MM-ddTHH:mm:ss.SSSZ)
1.1.5.3	Result	Object		x		Kết quả nghiệp vụ của API
1.1.5.3.1	TongSoBanGhi	Number		x		Tổng số bản ghi thỏa điều kiện lọc
1.1.5.3.2	LastId	String	36			Id của bản ghi cuối trong trang; rỗng khi trang không có bản ghi
1.1.5.3.3	BanGhi	Array			x	Mỗi bản ghi là một thẻ <BanGhi>, lặp lại theo số bản ghi của trang; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.1	Id	String		x		Định danh yêu cầu (UUID)
1.1.5.3.3.2	MaYeuCauGiamDinh	String		x		Mã yêu cầu kiểm tra, kết luận
1.1.5.3.3.3	DSMauHaiCotLS	Array			x	Danh sách mẫu hài cốt của yêu cầu; lặp lại thẻ DSMauHaiCotLS cho mỗi phần tử, mỗi thẻ gồm: Id (UUID mẫu), KyHieu (ký hiệu mẫu)

1.1.5.3.3.4	SoMauThanNhan	Number				Số mẫu thân nhân của yêu cầu
1.1.5.3.3.5	DonViGuiYeuCau	String				Đơn vị gửi yêu cầu
1.1.5.3.3.6	NgayGuiYeuCauGiamDinh	String				Ngày gửi yêu cầu. Định dạng YYYY-MM-DD
1.1.5.3.3.7	MauThanNhanCoQuanHe	Array			x	Mẫu thân nhân có kết quả "Có quan hệ huyết thống"; lặp lại thẻ MauThanNhanCoQuanHe cho mỗi phần tử, mỗi thẻ gồm: Id, KyHieu
1.1.5.3.3.8	TrangThaiGiamDinh	Number				Trạng thái giám định: 0: Chưa giám định; 1: Đang giám định; 2: Đã trả kết quả
1.1.5.3.3.9	TenTrangThaiGiamDinh	String				Tên trạng thái giám định
1.2	ds:Signature	Object				Khối chữ ký số của response. Ở phiên bản hiện tại hệ thống chưa ký: khối này để trống (chỉ có chú thích)

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	
URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiADN/chia-se/ket-qua-giam-dinh-adn
Request header	
Method	POST
Content-Type	application/xml; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ API Login – mục 2.2.1)
Request Body	
Body	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Envelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</MessageId> <Data> <Page>1</Page> <Size>20</Size> <TrangThaiGiamDinh>2</TrangThaiGiamDinh> <CoMauQuanHe>true</CoMauQuanHe> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML của thẻ Content khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </Envelope>
Response Body	
Thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</RefMessageId> <ErrorCode>0</ErrorCode> <Message>success</Message> <Data> <RequestId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd040</RequestId> <ReceivedAt>2026-10-12T08:30:00.000Z</ReceivedAt> <Result> <TongSoBanGhi>1</TongSoBanGhi> <LastId>0192b1c2-d3e4-7f50-a6b7-c8d9e0f1a2b3</LastId> <BanGhi>

	<Id>0192b1c2-d3e4-7f50-a6b7-c8d9e0f1a2b3</Id> <MaYeuCauGiamDinh>YC-2026-0018</MaYeuCauGiamDinh> <DSMauHaiCotLS> <Id>0192d4e5-8f90-7ab1-c2d3-e4f5a6b7c8d9</Id> <KyHieu>HC-QT-2026-0012</KyHieu> </DSMauHaiCotLS> <SoMauThanNhan>3</SoMauThanNhan> <DonViGuiYeuCau>Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị</DonViGuiYeuCau> <NgayGuiYeuCauGiamDinh>2026-09-10</NgayGuiYeuCauGiamDinh> <MauThanNhanCoQuanHe> <Id>0192e5f6-9a01-7bc2-d3e4-f5a6b7c8d9e0</Id> <KyHieu>TN-2026-0345</KyHieu> </MauThanNhanCoQuanHe> <TrangThaiGiamDinh>2</TrangThaiGiamDinh> <TenTrangThaiGiamDinh>Đã trả kết quả</TenTrangThaiGiamDinh> </BanGhi> </Result> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML response khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </ResponseEnvelope>
Không thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</RefMessageId> <ErrorCode>CS_001</ErrorCode> <Message>Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: Unrecognized field "MaYeuCau"</Message> </Content> </ResponseEnvelope>

2.2.9. API chia sẻ dữ liệu đồng đội liệt sĩ (adn_dong_doi)

- Mục đích: API dùng để chia sẻ danh sách thông tin do đồng đội liệt sĩ cung cấp (họ tên đồng đội, liệt sĩ liên quan, ngày cung cấp, nội dung, tình trạng xác minh). Dữ liệu chia sẻ trên phạm vi toàn quốc, không bao gồm bản ghi đã xóa; sắp xếp theo thời điểm tạo giảm dần.

- Đặc tả đầu vào API

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Mô tả
1	Envelope	Object		x	Thẻ gốc của request XML
1.1	Content	Object		x	Thẻ bọc dữ liệu nghiệp vụ, khuyến nghị giữ thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	100	x	Mã định danh duy nhất cho mỗi lần gọi API (khuyến nghị UUID); được trả lại ở thẻ RefMessageId của response để đối soát
1.1.2	Data	Object			Điều kiện lọc và phân trang của API
1.1.2.1	Page	Number			Số thứ tự trang, tính từ 1. Không truyền = 1

1.1.2.2	Size	Number			Số bản ghi trên một trang. Không truyền = 20; lớn hơn 1.000 trả lỗi CS_002
1.1.2.3	HoTenDongDoi	String			Họ tên đồng đội, tìm gần đúng, không phân biệt hoa thường và dấu
1.1.2.4	LietSiLienQuan	String			Mã hoặc họ tên liệt sĩ liên quan, tìm gần đúng
1.2	ds:Signature	Object			Khối chữ ký số XAdES/XMLDSig của thẻ Content (namespace http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#). Có khi phiên tích hợp yêu cầu ký số; ở phiên bản hiện tại hệ thống chưa kiểm tra khối này

- Đặc tả đầu ra API

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
1	ResponseEnvelope	Object		x		Thẻ gốc của response XML
1.1	Content	Object		x		Thẻ bọc dữ liệu response, thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	36	x		Mã định danh response do hệ thống sinh (UUID)
1.1.2	RefMessageId	String	100			Trả lại MessageId của request; rỗng khi không đọc được request
1.1.3	ErrorCode	String	10	x		Mã xử lý: 0 - thành công; CS_xxx - lỗi: 0 (HTTP 200): success (Thành công; thẻ Data chứa RequestId, ReceivedAt và Result) CS_001 (HTTP 400): Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: <…> (Body không phải XML hợp lệ, thiếu thẻ Content/MessageId, hoặc trong Data có thẻ không thuộc đặc tả) CS_002 (HTTP 400): Số bản ghi mỗi trang vượt quá giới hạn 1.000. (Giá trị Size > 1000) CS_003 (HTTP 503): Không kết nối được hệ thống CSDL ADN, vui lòng gọi lại sau. (Lỗi tạm thời, gọi lại sau) CS_004 (HTTP 502): Hệ thống CSDL ADN xử lý lỗi. Chi tiết: <…> (Gồm cả điều kiện lọc không hợp lệ (đến ngày nhỏ hơn từ ngày, từ khóa quá dài); xem phần Chi tiết) Response thành công trả HTTP 200 với ErrorCode = 0; response lỗi trả HTTP Code tương ứng theo danh sách mã lỗi ở trên, nội dung vẫn theo cấu trúc ResponseEnvelope nhưng không có thẻ Data. Lỗi token không hợp lệ/hết hạn (HTTP 401) hoặc tài khoản chưa được cấp quyền gọi API (HTTP 403) do cổng API trả về trước khi tới dịch vụ chia sẻ, nên không theo cấu trúc trên và không có nhật ký chia sẻ.

1.1.4	Message	String		x		Trạng thái xử lý: success khi thành công; nội dung lỗi (có thể kèm "Chi tiết: …") khi lỗi
1.1.5	Data	Object				Chỉ có khi thành công
1.1.5.1	RequestId	String	36	x		Mã yêu cầu do hệ thống sinh (dùng khi cần tra soát)
1.1.5.2	ReceivedAt	String		x		Thời điểm hệ thống xử lý yêu cầu, định dạng ISO-8601 UTC (yyyy-MM-ddTHH:mm:ss.SSSZ)
1.1.5.3	Result	Object		x		Kết quả nghiệp vụ của API
1.1.5.3.1	TongSoBanGhi	Number		x		Tổng số bản ghi thỏa điều kiện lọc
1.1.5.3.2	LastId	String	36			Id của bản ghi cuối trong trang; rỗng khi trang không có bản ghi
1.1.5.3.3	BanGhi	Array			x	Mỗi bản ghi là một thẻ <BanGhi>, lặp lại theo số bản ghi của trang; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.1	Id	String		x		Định danh mục khai báo (UUID)
1.1.5.3.3.2	NguoiKhaiBaoId	String		x		Định danh hồ sơ người khai báo (đồng đội) (UUID)
1.1.5.3.3.3	HoTenDongDoi	String				Họ và tên đồng đội
1.1.5.3.3.4	LietSiId	String				Định danh liệt sĩ liên quan (UUID)
1.1.5.3.3.5	LietSiMa	String				Mã liệt sĩ; "—" khi không tra được liệt sĩ
1.1.5.3.3.6	HoVaTen	String				Họ và tên liệt sĩ; "—" khi không tra được liệt sĩ
1.1.5.3.3.7	NgayCungCap	String				Ngày cung cấp thông tin. Định dạng YYYY-MM-DD
1.1.5.3.3.8	NoiDung	String				Nội dung thông tin đồng đội cung cấp
1.1.5.3.3.9	DaXacMinh	Boolean		x		Thông tin đã được xác minh hay chưa
1.2	ds:Signature	Object				Khối chữ ký số của response. Ở phiên bản hiện tại hệ thống chưa ký: khối này để trống (chỉ có chú thích)

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	
URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiADN/chia-se/dong-doi-liet-si
Request header	
Method	POST
Content-Type	application/xml; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ API Login – mục 2.2.1)
Request Body	
Body	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Envelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</MessageId> <Data> <Page>1</Page> <Size>20</Size> <LietSiLienQuan>LS-01-000456</LietSiLienQuan> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML của thẻ Content khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature>

	</Envelope>
Response Body	
Thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</RefMessageId> <ErrorCode>0</ErrorCode> <Message>success</Message> <Data> <RequestId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd040</RequestId> <ReceivedAt>2026-10-12T08:30:00.000Z</ReceivedAt> <Result> <TongSoBanGhi>1</TongSoBanGhi> <LastId>0192c2d3-e4f5-7a61-b7c8-d9e0f1a2b3c4</LastId> <BanGhi> <Id>0192c2d3-e4f5-7a61-b7c8-d9e0f1a2b3c4</Id> <NguoiKhaiBaoId>0192c2d3-0000-7a61-b7c8-d9e0f1a2b3c4</NguoiKhaiBaoId> <HoTenDongDoi>Lê Văn Cường</HoTenDongDoi> <LietSiId>0191aa10-2b3c-7d4e-8f50-61728394a5b6</LietSiId> <LietSiMa>LS-01-000456</LietSiMa> <HoVaTen>Nguyễn Văn An</HoVaTen> <NgayCungCap>2026-10-02</NgayCungCap> <NoiDung>Cùng đơn vị E9, hy sinh tháng 3/1972 tại Cao điểm 544</NoiDung> <DaXacMinh>false</DaXacMinh> </BanGhi> </Result> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML response khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </ResponseEnvelope>
Không thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://adnlietsi.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>93557d34-3158-450a-8d19-4809228817a3</RefMessageId> <ErrorCode>CS_001</ErrorCode> <Message>Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: Unrecognized field "TenDongDoi"</Message> </Content> </ResponseEnvelope>

II. Điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu ADN của liệt sĩ và thân nhân

1. Yêu cầu về an toàn hệ thống thông tin

Các hệ thống thông tin kết nối với CSDL ADN phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin tối thiểu từ Cấp độ 3 trở lên, tuân thủ quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

2. Kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn thông tin

Trước khi thực hiện kết nối hoặc khi có sự điều chỉnh, thay đổi thiết kế hệ thống thông tin đã kết nối, cơ quan, tổ chức chủ quản phải thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định. Việc kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn thông tin phải được thực hiện bởi cơ quan có chức năng của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng theo quy định của pháp luật.

3. Ký số và bảo mật dữ liệu trao đổi

Bản tin gửi tới CSDL ADN phải được ký số theo chuẩn XAdES bằng chứng thư số do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp; CSDL ADN thực hiện xác thực chữ ký trước khi tiếp nhận. Dữ liệu chia sẻ ra ngoài cũng được ký số trước khi rời hệ thống và bên nhận có trách nhiệm xác thực chữ ký trước khi sử dụng.

4. Tài khoản tích hợp và phân quyền

Mỗi hệ thống thông tin khai thác được cấp một tài khoản tích hợp riêng. Quyền gọi được cấp theo từng API tại mục 2.1 (theo đường dẫn); tài khoản chỉ gọi được các API đã được phê duyệt, gọi API chưa được cấp quyền sẽ bị cổng API từ chối (HTTP 403). Bên khai thác có trách nhiệm bảo mật thông tin tài khoản, chỉ sử dụng dữ liệu đúng mục đích đã đăng ký và không chia sẻ lại cho bên thứ ba khi chưa được cơ quan quản lý CSDL ADN đồng ý.

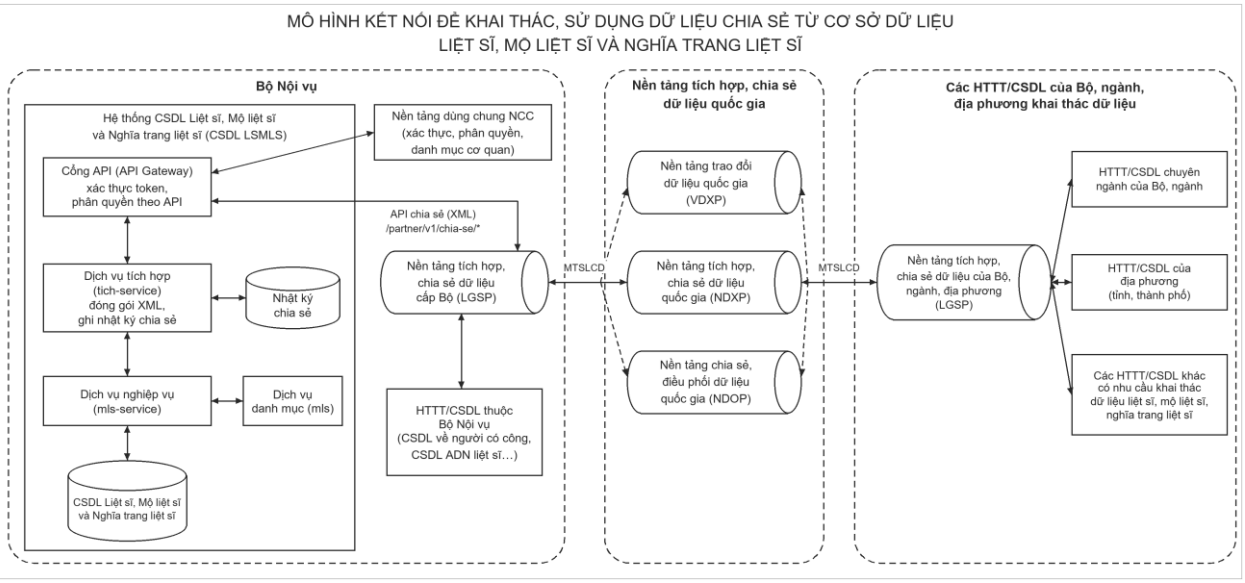
PHỤ LỤC III

Hướng dẫn kỹ thuật kết nối để khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu Liệt sĩ, Mộ liệt sĩ và Nghĩa trang liệt sĩ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày /11/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

I. Phương thức kết nối

1. Mô hình kết nối



Hình 1. Mô hình kết nối khai thác, chia sẻ dữ liệu của CSDL LSMLS

Cơ sở dữ liệu Liệt sĩ, Mộ liệt sĩ và Nghĩa trang liệt sĩ (sau đây gọi là CSDL LSMLS) cung cấp các dịch vụ chia sẻ dữ liệu (API) để các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có nhu cầu được khai thác, sử dụng dữ liệu nghĩa trang liệt sĩ, mộ liệt sĩ, liệt sĩ và các dữ liệu liên quan theo phạm vi được phép.

Các dịch vụ cung cấp đều được xác thực bằng token và kiểm tra quyền theo từng dịch vụ, mỗi dịch vụ một đường dẫn riêng. Bản tin trao đổi ở định dạng XML, đóng gói theo cấu trúc Envelope/ResponseEnvelope của hệ thống CSDL LSMLS. Toàn bộ các yêu cầu gọi đến dịch vụ sẽ được ghi nhật ký để phục vụ quản lý và giám sát. Đường dẫn /partner/v1/chia-se/* thể hiện tại Hình 1 là đường dẫn nội bộ của Cổng API (API Gateway) thuộc hệ thống; đơn vị khai thác không gọi trực tiếp đường dẫn này mà sử dụng địa chỉ kết nối do nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu công bố tại mục 2.2 của Phụ lục này.

Hệ thống thông tin thuộc Bộ Nội vụ kết nối qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ (LGSP); hệ thống ngoài Bộ Nội vụ kết nối qua NDXP, VDXP hoặc NDOP. Toàn bộ kết nối được thực hiện trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước, tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và Khung kiến trúc số của Bộ Nội vụ.

2. Đặc tả kỹ thuật kết nối (API)

2.1. Danh sách API của hệ thống

STT	Tên API	Mã dịch vụ	Mô tả
1	API Login (lấy token)	lsmls_token	Khởi tạo token cho phiên làm việc. Token được sử dụng cho tất cả các API còn lại.
2	API chia sẻ dữ liệu thông tin Nghĩa trang liệt sĩ	lsmls_nghia_trang	Chia sẻ danh sách thông tin nghĩa trang liệt sĩ (mã định danh nghĩa trang, tên nghĩa trang, địa chỉ, năm thành lập, diện tích, cơ quan, đơn vị quản lý, trạng thái) cho hệ thống thông tin có nhu cầu và mục đích khai thác phù hợp.
3	API chia sẻ dữ liệu thông tin Mộ liệt sĩ	lsmls_mo_liet_si	Chia sẻ danh sách thông tin mộ liệt sĩ (mã mộ, số mộ, hàng mộ, lô mộ, khu mộ, hình thức quản lý mộ, địa chỉ mộ, phân loại mộ, tình trạng mộ, nghĩa trang và liệt sĩ liên quan) cho hệ thống thông tin có nhu cầu khai thác.
4	API chia sẻ dữ liệu thông tin Liệt sĩ	lsmls_liet_si	Chia sẻ danh sách thông tin liệt sĩ (hồ sơ quản lý, họ tên, số định danh cá nhân, quê quán, nơi thường trú, thông tin hy sinh, Bằng Tổ quốc ghi công, quyết định xác định danh tính, nơi an táng, thân nhân theo giấy báo tử) cho hệ thống thông tin có nhu cầu khai thác.

2.2. Chi tiết API

Các API dưới đây được mô tả theo trục NDXP. Với trục VDXP và NDOP, nội dung bản tin, cấu trúc dữ liệu và cách xử lý kết quả hoàn toàn tương tự; đơn vị chỉ cần thay địa chỉ kết nối và cách lấy token theo hướng dẫn của từng trục. Trong bản tin trả về, thẻ không có dữ liệu vẫn được trả về dưới dạng thẻ rỗng (ví dụ: <SoDDCN/>), không lược bỏ thẻ, để cấu trúc bản tin đồng nhất giữa các bản ghi.

2.2.1. API Login (lsmls_token)

- Mục đích: Khởi tạo token cho phép thực hiện phiên làm việc; token được đính kèm trong tiêu đề Authorization của tất cả các API chia sẻ dữ liệu khi kết nối qua nền tảng tích hợp (LGSP/NDXP/VDXP/NDOP). Bên dưới đây là ví dụ về API lấy token từ nền NDXP.

- Đặc tả đầu vào API:

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Mô tả
1	grant_type	String		x	Nhận giá trị cố định: client_credentials

- Đặc tả đầu ra API: Các tham số trả về:

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Mô tả
1	access_token	String			Chuỗi token được cấp tương ứng với một phiên làm việc
2	scope	String			Phạm vi quyền của token do nền tảng tích hợp cấp (ví dụ: am_application_scope default)
3	token_type	String			Kiểu token: Bearer
4	expires_in	Number			Thời gian token có hiệu lực (giây)

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	
URL	https://api.ngsp.gov.vn/token
Request header	
Method	POST
Content-Type	application/x-www-form-urlencoded
Authorization	Basic Base64(consumer-key:consumer-secret)(cặp khóa consumer-key và consumer-secret do NDXP cung cấp cho mỗi HTTT)
Request Body	
Body	grant_type=client_credentials
Response Body	

Thành công	{
	"access_token": "d32ed548-e44c-350c-b047-c10f829064fb",
	"scope": "am_application_scope default",
	"token_type": "Bearer",
	"expires_in": 3600
	}

2.2.2. API chia sẻ dữ liệu thông tin Nghĩa trang liệt sĩ (lsmls_nghia_trang)

- Mục đích: API dùng để chia sẻ danh sách thông tin nghĩa trang liệt sĩ (mã định danh nghĩa trang, tên nghĩa trang, địa chỉ chi tiết, năm thành lập, diện tích, cơ quan, đơn vị quản lý, trạng thái hoạt động) cho hệ thống thông tin có nhu cầu khai thác. Dữ liệu chia sẻ trên phạm vi toàn quốc, không bao gồm bản ghi đã xóa; sắp xếp theo thời điểm tạo giảm dần.

- Đặc tả đầu vào API:

Body: Bản tin XML theo cấu trúc Envelope/Content như mẫu tại phần Chi tiết dịch vụ, có cấu trúc các thẻ như sau:

STT	Tên thẻ XML	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Mô tả
1	Envelope	Object		x	Thẻ gốc của request XML
1.1	Content	Object		x	Thẻ bọc dữ liệu nghiệp vụ, khuyến nghị giữ thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	100 ký tự	x	Mã định danh duy nhất cho mỗi lần gọi API (khuyến nghị UUID); được trả lại ở thẻ RefMessageId của response để đối soát
1.1.2	Data	Object			Điều kiện lọc và phân trang của API
1.1.2.1	Page	Number			Số thứ tự trang, tính từ 1. Không truyền = 1
1.1.2.2	Size	Number			Số bản ghi trên một trang. Không truyền = 20; lớn hơn 1.000 trả lỗi CS_002
1.1.2.3	MaDinhDanhNTLS	String	100 ký tự		Mã định danh nghĩa trang liệt sĩ, tìm gần đúng
1.1.2.4	TenNghiaTrang	String	100 ký tự		Tên nghĩa trang liệt sĩ, tìm gần đúng
1.1.2.5	MaTinh	String			Mã tỉnh, tìm chính xác
1.1.2.6	MaXa	String			Mã xã, tìm chính xác
1.2	ds:Signature	Object			Khối chữ ký số XAdES/XMLDSig của thẻ Content (namespace http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#). Có khi phiên tích hợp yêu cầu ký số

- Đặc tả đầu ra API: Bản tin XML theo cấu trúc ResponseEnvelope/Content như mẫu tại phần Chi tiết dịch vụ, có cấu trúc các thẻ như sau (thẻ Data chỉ có khi trả về thành công, ErrorCode = 0):

STT	Tên thẻ XML	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Mô tả
1	ResponseEnvelope	Object		x	Thẻ gốc của response XML
1.1	Content	Object		x	Thẻ bọc dữ liệu response, thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	36 ký tự	x	Mã định danh response do hệ thống sinh (UUID)
1.1.2	RefMessageId	String	100 ký tự		Trả lại MessageId của request; rỗng khi không đọc được request
1.1.3	ErrorCode	String	10 ký tự	x	Mã xử lý: 0 - thành công; CS_xxx - lỗi, theo bảng mã lỗi tại mục 2.3
1.1.4	Message	String		x	Trạng thái xử lý: success khi thành công; nội dung lỗi (có thể kèm "Chi tiết: …") khi lỗi
1.1.5	Data	Object			Chỉ có khi thành công (ErrorCode = 0)
1.1.5.1	RequestId	String	36 ký tự	x	Mã yêu cầu do hệ thống sinh, dùng khi cần đối soát lượt gọi
1.1.5.2	ReceivedAt	String		x	Thời điểm hệ thống xử lý yêu cầu, định dạng ISO-8601 UTC (yyyy-MM-ddTHH:mm:ss.SSSZ)
1.1.5.3	Result	Object		x	Kết quả nghiệp vụ của API
1.1.5.3.1	TongSoBanGhi	Number		x	Tổng số bản ghi thỏa điều kiện lọc
1.1.5.3.2	LastId	String	36 ký tự		Id của bản ghi cuối trong trang; rỗng khi trang không có bản ghi
1.1.5.3.3	BanGhi	Array			Mỗi bản ghi là một thẻ <BanGhi>, lặp lại theo số bản ghi của trang; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.1	Id	String	36 ký tự	x	Định danh bản ghi nghĩa trang liệt sĩ trong CSDL LSMLS (UUID); thẻ LastId lấy theo giá trị này
1.1.5.3.3.2	MaDinhDanhNTLS	String	100 ký tự	x	Mã định danh nghĩa trang liệt sĩ
1.1.5.3.3.3	TenNghiaTrang	String	100 ký tự	x	Tên nghĩa trang
1.1.5.3.3.4	DiaChiChiTiet	String	250 ký tự		Địa chỉ chi tiết gồm số nhà, tên đường, phố của nghĩa trang
1.1.5.3.3.5	MaXa	String			Mã xã/phường/đặc khu nơi có nghĩa trang, tham chiếu DM Xã/Phường/Đặc khu
1.1.5.3.3.6	TenXa	String	30 ký tự		Tên xã/phường/đặc khu nơi có nghĩa trang
1.1.5.3.3.7	MaTinh	String			Mã tỉnh/thành phố nơi có nghĩa trang, tham chiếu DM Tỉnh/Thành phố
1.1.5.3.3.8	TenTinh	String	30 ký tự		Tên tỉnh/thành phố nơi có nghĩa trang
1.1.5.3.3.9	NamThanhLap	Number	4 chữ số		Năm xây dựng nghĩa trang
1.1.5.3.3.10	DienTich	Number	20 chữ số		Diện tích nghĩa trang (m²)
1.1.5.3.3.11	DonViQuanLyMaCQ	String	50 ký tự		Cơ quan, đơn vị quản lý nghĩa trang: Mã định danh của cơ quan theo quy định của tỉnh, thành phố, bộ, ban, ngành
1.1.5.3.3.12	DonViQuanLyTenCQ	String	255 ký tự		Cơ quan, đơn vị quản lý nghĩa trang: Tên cơ quan
1.1.5.3.3.13	TrangThai	Number	2 chữ số	x	Trạng thái hoạt động của nghĩa trang

1.2	ds:Signature	Object			Khối chữ ký số XAdES/XMLDSig của thẻ Content (namespace http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#). Có khi phiên tích hợp yêu cầu ký số

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiLSMLS/chia-se/nghia-trang-liet-si
Request header	
Method	POST
Content-Type	application/xml; charset=utf-8
Authorization	Bearer <Thông tin token> (token lấy theo mục 2.2.1)
Request Body	
Body	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Envelope xmlns="https://lsmls.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>msg-001</MessageId> <Data> <Page>1</Page> <Size>1</Size> <MaDinhDanhNTLS>NTLS-01-0001</MaDinhDanhNTLS> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML của thẻ Content khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </Envelope>
Response Body	
Thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://lsmls.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>3eeb57b1-72d0-4258-a2ab-3cac9a70474e</MessageId> <RefMessageId>msg-001</RefMessageId> <ErrorCode>0</ErrorCode> <Message>success</Message> <Data> <RequestId>45f4b464-436a-4546-acc7-67757f6a3651</RequestId> <ReceivedAt>2026-10-12T20:05:50.305Z</ReceivedAt> <Result> <TongSoBanGhi>1</TongSoBanGhi> <LastId>01a12ad3-bbec-7000-ba51-1291650137cf</LastId> <BanGhi> <Id>01a12ad3-bbec-7000-ba51-1291650137cf</Id> <MaDinhDanhNTLS>NTLS-01-0001</MaDinhDanhNTLS> <TenNghiaTrang>Nghĩa trang liệt sĩ Hà Nội</TenNghiaTrang> <DiaChiChiTiet>Số 1 phố Kim Mã</DiaChiChiTiet> <MaXa>00004</MaXa> <TenXa>Phường Ba Đình</TenXa> <MaTinh>01</MaTinh> <TenTinh>Thành phố Hà Nội</TenTinh> <NamThanhLap>1978</NamThanhLap> <DienTich>5200.0</DienTich> <DonViQuanLyMaCQ>000.00.00.H26</DonViQuanLyMaCQ> <DonViQuanLyTenCQ>Sở Nội vụ thành phố Hà Nội</DonViQuanLyTenCQ> <TrangThai>1</TrangThai> </BanGhi> </Result> </Data>

	</Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML response khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </ResponseEnvelope>
Không thành công (400 Bad Request - ví dụ lỗi CS_001; các mã lỗi khác theo mục 2.3)	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://lsmls.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>msg-001</RefMessageId> <ErrorCode>CS_001</ErrorCode> <Message>Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: Unrecognized field "TenNTLS"</Message> </Content> </ResponseEnvelope>

- Các giá trị trả về ErrorCode của hệ thống: theo bảng mã lỗi tại mục 2.3.

2.2.3. API chia sẻ dữ liệu thông tin Mộ liệt sĩ (lsmls_mo_liet_si)

- Mục đích: API dùng để chia sẻ danh sách thông tin mộ liệt sĩ (mã mộ, nghĩa trang liên quan, số mộ, hàng mộ, lô mộ, khu mộ, hình thức quản lý mộ, địa chỉ mộ, phân loại mộ, tình trạng mộ, liệt sĩ an táng trong mộ) cho hệ thống thông tin có nhu cầu khai thác. Dữ liệu chia sẻ trên phạm vi toàn quốc, không bao gồm bản ghi đã xóa; sắp xếp theo thời điểm tạo giảm dần.

- Đặc tả đầu vào API:

Body: Bản tin XML theo cấu trúc Envelope/Content như mẫu tại phần Chi tiết dịch vụ, có cấu trúc các thẻ như sau:

STT	Tên thẻ XML	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Mô tả
1	Envelope	Object		x	Thẻ gốc của request XML
1.1	Content	Object		x	Thẻ bọc dữ liệu nghiệp vụ, khuyến nghị giữ thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	100 ký tự	x	Mã định danh duy nhất cho mỗi lần gọi API (khuyến nghị UUID); được trả lại ở thẻ RefMessageId của response để đối soát
1.1.2	Data	Object			Điều kiện lọc và phân trang của API
1.1.2.1	Page	Number			Số thứ tự trang, tính từ 1. Không truyền = 1
1.1.2.2	Size	Number			Số bản ghi trên một trang. Không truyền = 20; lớn hơn 1.000 trả lỗi CS_002
1.1.2.3	MaMoLietSi	String	100 ký tự		Mã mộ liệt sĩ, tìm gần đúng
1.1.2.4	MaDinhDanhNTLS	String	100 ký tự		Mã định danh nghĩa trang liệt sĩ nơi có mộ, tìm chính xác
1.1.2.5	MaTinh	String			Mã tỉnh nơi có mộ, tìm chính xác
1.1.2.6	MaXa	String			Mã xã nơi có mộ, tìm chính xác
1.1.2.7	TinhTrangHC	Number	1 chữ số		Tình trạng mộ, tham chiếu DM tình trạng mộ, tìm chính xác
1.2	ds:Signature	Object			Khối chữ ký số XAdES/XMLDSig của thẻ Content (namespace http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#). Có khi phiên tích hợp yêu cầu ký số

- Đặc tả đầu ra API: Bản tin XML theo cấu trúc ResponseEnvelope/Content như mẫu tại phần Chi tiết dịch vụ, có cấu trúc các thẻ như sau (thẻ Data chỉ có khi trả về thành công, ErrorCode = 0):

STT	Tên thẻ XML	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Mô tả
1	ResponseEnvelope	Object		x	Thẻ gốc của response XML
1.1	Content	Object		x	Thẻ bọc dữ liệu response, thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	36 ký tự	x	Mã định danh response do hệ thống sinh (UUID)
1.1.2	RefMessageId	String	100 ký tự		Trả lại MessageId của request; rỗng khi không đọc được request
1.1.3	ErrorCode	String	10 ký tự	x	Mã xử lý: 0 - thành công; CS_xxx - lỗi, theo bảng mã lỗi tại mục 2.3
1.1.4	Message	String		x	Trạng thái xử lý: success khi thành công; nội dung lỗi (có thể kèm "Chi tiết: …") khi lỗi
1.1.5	Data	Object			Chỉ có khi thành công (ErrorCode = 0)
1.1.5.1	RequestId	String	36 ký tự	x	Mã yêu cầu do hệ thống sinh, dùng khi cần đối soát lượt gọi
1.1.5.2	ReceivedAt	String		x	Thời điểm hệ thống xử lý yêu cầu, định dạng ISO-8601 UTC (yyyy-MM-ddTHH:mm:ss.SSSZ)
1.1.5.3	Result	Object		x	Kết quả nghiệp vụ của API
1.1.5.3.1	TongSoBanGhi	Number		x	Tổng số bản ghi thỏa điều kiện lọc
1.1.5.3.2	LastId	String	36 ký tự		Id của bản ghi cuối trong trang; rỗng khi trang không có bản ghi
1.1.5.3.3	BanGhi	Array			Mỗi bản ghi là một thẻ <BanGhi>, lặp lại theo số bản ghi của trang; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.1	Id	String	36 ký tự	x	Định danh bản ghi mộ liệt sĩ trong CSDL LSMLS (UUID); thẻ LastId lấy theo giá trị này
1.1.5.3.3.2	MaMoLietSi	String	100 ký tự	x	Mã mộ liệt sĩ do hệ thống quản lý
1.1.5.3.3.3	SoMo	String	100 ký tự		Số mộ
1.1.5.3.3.4	HangMo	String	100 ký tự		Hàng mộ trong nghĩa trang
1.1.5.3.3.5	LoMo	String	100 ký tự		Lô mộ trong nghĩa trang
1.1.5.3.3.6	KhuMo	String	100 ký tự		Khu mộ trong nghĩa trang
1.1.5.3.3.7	HinhThucQLMo	String	1 ký tự		Hình thức quản lý mộ: 0 - Mộ nằm trong nghĩa trang; 1 - Mộ do gia đình quản lý
1.1.5.3.3.8	DiaChiChiTiet	String	250 ký tự		Địa chỉ chi tiết gồm số nhà, tên đường, phố trong trường hợp mộ do gia đình quản lý
1.1.5.3.3.9	MaXa	String			Mã xã/phường/đặc khu nơi có mộ, tham chiếu DM Xã/Phường/Đặc khu
1.1.5.3.3.10	TenXa	String	30 ký tự		Tên xã/phường/đặc khu nơi có mộ
1.1.5.3.3.11	MaTinh	String			Mã tỉnh/thành phố nơi có mộ, tham chiếu DM Tỉnh/Thành phố
1.1.5.3.3.12	TenTinh	String	30 ký tự		Tên tỉnh/thành phố nơi có mộ

1.1.5.3.3.13	PhanLoaiMo	Number	1 chữ số		Phân loại mộ, tham chiếu DM phân loại mộ
1.1.5.3.3.14	TinhTrangHC	Number	1 chữ số		Tình trạng mộ, tham chiếu DM tình trạng mộ
1.1.5.3.3.15	MaDinhDanhNTLS	String	100 ký tự	x (khi HinhThucQLMo = 0 – mộ nằm trong nghĩa trang)	Mã định danh nghĩa trang nơi có mộ, tham chiếu thông tin nghĩa trang (mục 2.2.2)
1.1.5.3.3.16	ThongTinLS	Array			Liệt sĩ an táng trong mộ, tham chiếu thông tin liệt sĩ (mục 2.2.4); mộ có nhiều liệt sĩ thì lặp lại thẻ này cho mỗi liệt sĩ
1.1.5.3.3.16.1	Id	String	36 ký tự	x (khi có thẻ cha)	Định danh liệt sĩ, trùng thẻ Id của API chia sẻ dữ liệu thông tin Liệt sĩ
1.1.5.3.3.16.2	HoVaTen	String	255 ký tự	x (khi có thẻ cha)	Họ và tên liệt sĩ
1.1.5.3.3.16.3	SoDDCN	String	12 ký tự		Số định danh cá nhân của liệt sĩ
1.2	ds:Signature	Object			Khối chữ ký số XAdES/XMLDSig của thẻ Content (namespace http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#). Có khi phiên tích hợp yêu cầu ký số

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiLSMLS/chia-se/mo-liet-si
Request header	
Method	POST
Content-Type	application/xml; charset=utf-8
Authorization	Bearer <Thông tin token> (token lấy theo mục 2.2.1)
Request Body	
Body	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Envelope xmlns="https://lsmls.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>msg-002</MessageId> <Data> <Page>1</Page> <Size>1</Size> <MaMoLietSi>MLS-00004-00001</MaMoLietSi> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML của thẻ Content khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </Envelope>
Response Body	
Thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://lsmls.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>76f468f1-0b11-4326-9284-9287e609385b</MessageId> <RefMessageId>msg-002</RefMessageId> <ErrorCode>0</ErrorCode> <Message>success</Message> <Data>

	<RequestId>64c191e8-62d7-414e-a9e5-a3a98015c75a</RequestId> <ReceivedAt>2026-10-12T20:14:58.527Z</ReceivedAt> <Result> <TongSoBanGhi>1</TongSoBanGhi> <LastId>01a12d53-77b3-7000-9a3a-698768a828f1</LastId> <BanGhi> <Id>01a12d53-77b3-7000-9a3a-698768a828f1</Id> <MaMoLietSi>MLS-00004-00001</MaMoLietSi> <SoMo>02</SoMo> <HangMo>B</HangMo> <LoMo>B</LoMo> <KhuMo>A</KhuMo> <HinhThucQLMo>0</HinhThucQLMo> <DiaChiChiTiet/> <MaXa>00004</MaXa> <TenXa>Phường Ba Đình</TenXa> <MaTinh>01</MaTinh> <TenTinh>Thành phố Hà Nội</TenTinh> <PhanLoaiMo>1</PhanLoaiMo> <TinhTrangHC>1</TinhTrangHC> <MaDinhDanhNTLS>NTLS-01-0001</MaDinhDanhNTLS> <ThongTinLS> <Id>01a12d53-7a10-7000-8b21-5c3d2e1f0a11</Id> <HoVaTen>Nguyễn Văn Bình</HoVaTen> <SoDDCN>001045012345</SoDDCN> </ThongTinLS> </BanGhi> </Result> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML response khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </ResponseEnvelope>
Không thành công (400 Bad Request - ví dụ lỗi CS_001; các mã lỗi khác theo mục 2.3)	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://lsmls.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>msg-002</RefMessageId> <ErrorCode>CS_001</ErrorCode> <Message>Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: Unrecognized field "MaMo"</Message> </Content> </ResponseEnvelope>

- Các giá trị trả về ErrorCode của hệ thống: theo bảng mã lỗi tại mục 2.3.

2.2.4. API chia sẻ dữ liệu thông tin Liệt sĩ (lsmls_liet_si)

- Mục đích: API dùng để chia sẻ danh sách thông tin liệt sĩ (hồ sơ quản lý, họ tên, số định danh cá nhân, ngày sinh, quê quán, nơi thường trú, thông tin nhập ngũ, vào Đảng, hy sinh, giấy báo tử, Bằng Tổ quốc ghi công, quyết định xác định danh tính, nơi an táng, mộ liệt sĩ và thân nhân theo giấy báo tử) cho hệ thống thông tin có nhu cầu khai thác. Dữ liệu chia sẻ trên phạm vi toàn quốc, không bao gồm bản ghi đã xóa; sắp xếp theo thời điểm tạo giảm dần. Khi sử dụng dữ liệu thông tin Liệt sĩ cần lưu ý bảo vệ dữ liệu cá nhân do dữ liệu trả về của API này có chứa dữ liệu cá nhân của liệt sĩ và thân nhân liệt sĩ.

- Đặc tả đầu vào API:

Body: Bản tin XML theo cấu trúc Envelope/Content như mẫu tại phần Chi tiết dịch vụ, có cấu trúc các thẻ như sau:

STT	Tên thẻ XML	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Mô tả
1	Envelope	Object		x	Thẻ gốc của request XML
1.1	Content	Object		x	Thẻ bọc dữ liệu nghiệp vụ, khuyến nghị giữ thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	100 ký tự	x	Mã định danh duy nhất cho mỗi lần gọi API (khuyến nghị UUID); được trả lại ở thẻ RefMessageId của response để đối soát
1.1.2	Data	Object			Điều kiện lọc và phân trang của API
1.1.2.1	Page	Number			Số thứ tự trang, tính từ 1. Không truyền = 1
1.1.2.2	Size	Number			Số bản ghi trên một trang. Không truyền = 20; lớn hơn 1.000 trả lỗi CS_002
1.1.2.3	SoDDCN	String	12 ký tự		Số định danh cá nhân của liệt sĩ, tìm gần đúng
1.1.2.4	HoVaTen	String	255 ký tự		Họ tên liệt sĩ, tìm gần đúng (có dấu hoặc không dấu)
1.1.2.5	NamSinh	Number	4 chữ số		Năm sinh liệt sĩ, tìm chính xác
1.1.2.6	SoBangTQGhiCong	String	100 ký tự		Số bằng Tổ quốc ghi công, tìm gần đúng
1.1.2.7	SoGiayBaoTu	String	18 ký tự		Số giấy báo tử liệt sĩ, tìm gần đúng
1.1.2.8	MaTinh	String			Mã tỉnh quê quán, nơi thường trú hoặc địa phương quản lý hồ sơ của liệt sĩ, tìm chính xác
1.1.2.9	MaXa	String			Mã xã quê quán hoặc nơi thường trú của liệt sĩ, tìm chính xác
1.2	ds:Signature	Object			Khối chữ ký số XAdES/XMLDSig của thẻ Content (namespace http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#). Có khi phiên tích hợp yêu cầu ký số

- Đặc tả đầu ra API: Bản tin XML theo cấu trúc ResponseEnvelope/Content như mẫu tại phần Chi tiết dịch vụ, có cấu trúc các thẻ như sau (thẻ Data chỉ có khi trả về thành công, ErrorCode = 0):

STT	Tên thẻ XML	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Mô tả
1	ResponseEnvelope	Object		x	Thẻ gốc của response XML
1.1	Content	Object		x	Thẻ bọc dữ liệu response, thuộc tính Id="SignedData"
1.1.1	MessageId	String	36 ký tự	x	Mã định danh response do hệ thống sinh (UUID)
1.1.2	RefMessageId	String	100 ký tự		Trả lại MessageId của request; rỗng khi không đọc được request

1.1.3	ErrorCode	String	10 ký tự	x	Mã xử lý: 0 - thành công; CS_xxx - lỗi, theo bảng mã lỗi tại mục 2.3
1.1.4	Message	String		x	Trạng thái xử lý: success khi thành công; nội dung lỗi (có thể kèm "Chi tiết: …") khi lỗi
1.1.5	Data	Object			Chỉ có khi thành công (ErrorCode = 0)
1.1.5.1	RequestId	String	36 ký tự	x	Mã yêu cầu do hệ thống sinh, dùng khi cần đối soát lượt gọi
1.1.5.2	ReceivedAt	String		x	Thời điểm hệ thống xử lý yêu cầu, định dạng ISO-8601 UTC (yyyy-MM-ddTHH:mm:ss.SSSZ)
1.1.5.3	Result	Object		x	Kết quả nghiệp vụ của API
1.1.5.3.1	TongSoBanGhi	Number		x	Tổng số bản ghi thỏa điều kiện lọc
1.1.5.3.2	LastId	String	36 ký tự		Id của bản ghi cuối trong trang; rỗng khi trang không có bản ghi
1.1.5.3.3	BanGhi	Array			Mỗi bản ghi là một thẻ <BanGhi>, lặp lại theo số bản ghi của trang; gồm các thẻ con dưới đây
1.1.5.3.3.1	Id	String	36 ký tự	x	Định danh bản ghi liệt sĩ trong CSDL LSMLS (UUID); thẻ LastId lấy theo giá trị này
1.1.5.3.3.2	SoHSBoQL	String	50 ký tự		Số hồ sơ do Bộ quản lý
1.1.5.3.3.3	SoHSTinhQL	String	50 ký tự		Số hồ sơ do tỉnh quản lý
1.1.5.3.3.4	DPQuanLy	String	255 ký tự		Địa phương quản lý hồ sơ, tham chiếu DM Tỉnh/Thành phố
1.1.5.3.3.5	CQQuanLyMaCQ	String	50 ký tự		Cơ quan, đơn vị quản lý hồ sơ gốc: Mã định danh của cơ quan theo quy định của tỉnh, thành phố, bộ, ban, ngành
1.1.5.3.3.6	CQQuanLyTenCQ	String	255 ký tự		Cơ quan, đơn vị quản lý hồ sơ gốc: Tên cơ quan
1.1.5.3.3.7	HoVaTen	String	255 ký tự	x	Họ và tên của liệt sĩ
1.1.5.3.3.8	SoDDCN	String	12 ký tự		Số định danh cá nhân của liệt sĩ (số căn cước, số căn cước công dân)
1.1.5.3.3.9	BiDanh	String	255 ký tự		Bí danh của liệt sĩ (nếu có)
1.1.5.3.3.10	NgayThangNamSinh	String	10 ký tự		Ngày tháng năm sinh của liệt sĩ, định dạng YYYY-MM-DD (ngày tháng năm), YYYY-MM (tháng năm) hoặc YYYY (năm)
1.1.5.3.3.11	GioiTinh	Number	1 chữ số		Giới tính của liệt sĩ, tham chiếu DM giới tính
1.1.5.3.3.12	QueQuanTheoGBTTenTinh	String	30 ký tự		Quê quán/nguyên quán theo giấy báo tử, giấy chứng nhận hy sinh (khác đơn vị hành chính hiện nay): Tỉnh/Thành phố
1.1.5.3.3.13	QueQuanTheoGBTTenHuyen	String	30 ký tự		Quê quán/nguyên quán theo giấy báo tử, giấy chứng nhận hy sinh (khác đơn vị hành chính hiện nay): Quận/Huyện/Thị xã
1.1.5.3.3.14	QueQuanTheoGBTTenXa	String	30 ký tự		Quê quán/nguyên quán theo giấy báo tử, giấy chứng nhận hy sinh

					(khác đơn vị hành chính hiện nay): Phường/Xã/Thị trấn
1.1.5.3.3.15	QueQuanTheoGBTDiaChiChiTiet	String	250 ký tự		Quê quán/nguyên quán theo giấy báo tử, giấy chứng nhận hy sinh (khác đơn vị hành chính hiện nay): Địa chỉ chi tiết
1.1.5.3.3.16	QueQuanTheoDVHCHienNayDiaChi	String	255 ký tự		Quê quán/nguyên quán theo đơn vị hành chính hiện nay: Địa chỉ chi tiết số nhà, tổ, thôn,...
1.1.5.3.3.17	QueQuanTheoDVHCHienNayXa	String			Quê quán/nguyên quán theo đơn vị hành chính hiện nay: Mã xã/phường/đặc khu, theo DM Xã/Phường/Đặc khu
1.1.5.3.3.18	QueQuanTheoDVHCHienNayTenXa	String	30 ký tự		Quê quán/nguyên quán theo đơn vị hành chính hiện nay: Tên xã/phường/đặc khu
1.1.5.3.3.19	QueQuanTheoDVHCHienNayTinh	String			Quê quán/nguyên quán theo đơn vị hành chính hiện nay: Mã tỉnh/thành phố, theo DM Tỉnh/Thành phố
1.1.5.3.3.20	QueQuanTheoDVHCHienNayTenTinh	String	30 ký tự		Quê quán/nguyên quán theo đơn vị hành chính hiện nay: Tên tỉnh/thành phố
1.1.5.3.3.21	NoiThuongTruTenTinh	String	30 ký tự		Nơi thường trú/trú quán theo giấy báo tử, giấy chứng nhận hy sinh (khác đơn vị hành chính hiện nay): Tỉnh/Thành phố
1.1.5.3.3.22	NoiThuongTruTenHuyen	String	30 ký tự		Nơi thường trú/trú quán theo giấy báo tử, giấy chứng nhận hy sinh (khác đơn vị hành chính hiện nay): Quận/Huyện/Thị xã
1.1.5.3.3.23	NoiThuongTruTenXa	String	30 ký tự		Nơi thường trú/trú quán theo giấy báo tử, giấy chứng nhận hy sinh (khác đơn vị hành chính hiện nay): Phường/Xã/Thị trấn
1.1.5.3.3.24	NoiThuongTruDiaChiChiTiet	String	250 ký tự		Nơi thường trú/trú quán theo giấy báo tử, giấy chứng nhận hy sinh (khác đơn vị hành chính hiện nay): Địa chỉ chi tiết
1.1.5.3.3.25	NoiThuongTruTheoDVHCHienNayDiaChi	String	255 ký tự		Nơi thường trú/trú quán theo đơn vị hành chính hiện nay: Địa chỉ chi tiết số nhà, tổ, thôn,...
1.1.5.3.3.26	NoiThuongTruTheoDVHCHienNayXa	String			Nơi thường trú/trú quán theo đơn vị hành chính hiện nay: Mã xã/phường/đặc khu, theo DM Xã/Phường/Đặc khu
1.1.5.3.3.27	NoiThuongTruTheoDVHCHienNayTenXa	String	30 ký tự		Nơi thường trú/trú quán theo đơn vị hành chính hiện nay: Tên xã/phường/đặc khu
1.1.5.3.3.28	NoiThuongTruTheoDVHCHienNayTinh	String			Nơi thường trú/trú quán theo đơn vị hành chính hiện nay: Mã tỉnh/thành phố, theo DM Tỉnh/Thành phố
1.1.5.3.3.29	NoiThuongTruTheoDVHCHienNayTenTinh	String	30 ký tự		Nơi thường trú/trú quán theo đơn vị hành chính hiện nay: Tên tỉnh/thành phố
1.1.5.3.3.30	NgayNhapNgu	String	10 ký tự		Ngày tháng năm nhập ngũ, định dạng YYYY-MM-DD (ngày tháng năm), YYYY-MM (tháng năm) hoặc YYYY (năm)

1.1.5.3.3.31	NgayVaoDang	String	10 ký tự		Ngày tháng năm vào Đảng, định dạng YYYY-MM-DD (ngày tháng năm), YYYY-MM (tháng năm) hoặc YYYY (năm)
1.1.5.3.3.32	NgayHySinh	String	10 ký tự		Ngày tháng năm hy sinh, định dạng YYYY-MM-DD (ngày tháng năm), YYYY-MM (tháng năm) hoặc YYYY (năm)
1.1.5.3.3.33	SoGiayBaoTu	String	18 ký tự		Số giấy báo tử hoặc số giấy chứng nhận hy sinh
1.1.5.3.3.34	NgayCapGiayBaoTu	String	10 ký tự		Ngày cấp giấy báo tử hoặc giấy chứng nhận hy sinh, định dạng YYYY-MM-DD (ngày tháng năm), YYYY-MM (tháng năm) hoặc YYYY (năm)
1.1.5.3.3.35	DonViCapGiayBaoTu	String	100 ký tự		Cơ quan, đơn vị cấp giấy báo tử, giấy chứng nhận hy sinh
1.1.5.3.3.36	DonViCongTac	String	100 ký tự		Cơ quan, đơn vị của liệt sĩ trước khi hy sinh
1.1.5.3.3.37	CapBac	String	20 ký tự		Cấp bậc của liệt sĩ trước khi hy sinh, theo danh mục cấp bậc
1.1.5.3.3.38	ChucVu	String	20 ký tự		Chức vụ của liệt sĩ trước khi hy sinh, theo danh mục chức vụ
1.1.5.3.3.39	SoBangTQGhiCong	String	100 ký tự		Bằng Tổ quốc ghi công: Số bằng Tổ quốc ghi công (ký hiệu, số bằng, đối tượng và thời kỳ)
1.1.5.3.3.40	QuyetDinhCapBang	String	20 ký tự		Bằng Tổ quốc ghi công: Quyết định cấp bằng
1.1.5.3.3.41	NgayQuyetDinh	String	10 ký tự		Bằng Tổ quốc ghi công: Ngày tháng năm cấp quyết định, định dạng YYYY-MM-DD (ngày tháng năm), YYYY-MM (tháng năm) hoặc YYYY (năm)
1.1.5.3.3.42	CoQuanQuyetDinh	String	255 ký tự		Cơ quan cấp quyết định cấp Bằng Tổ quốc ghi công
1.1.5.3.3.43	NoiHySinh	String	255 ký tự		Nơi hy sinh theo giấy báo tử, giấy chứng nhận hy sinh
1.1.5.3.3.44	NoiHySinhDVKCC	String	255 ký tự		Nơi hy sinh do đơn vị khác cung cấp
1.1.5.3.3.45	TruongHopHySinh	Number	2 chữ số		Trường hợp hy sinh, tham chiếu DM trường hợp hy sinh
1.1.5.3.3.46	NoiAnTangBanDau	String	255 ký tự		Nơi an táng ban đầu (kèm vị trí mộ nếu có) theo giấy báo tử, giấy chứng nhận hy sinh
1.1.5.3.3.47	NoiAnTangBanDauDVKCC	String	255 ký tự		Nơi an táng ban đầu do đơn vị khác cung cấp
1.1.5.3.3.48	SoQDXDDT	String	20 ký tự		Quyết định xác định danh tính: Số quyết định xác định danh tính
1.1.5.3.3.49	NgayXacDinhDT	String	10 ký tự		Quyết định xác định danh tính: Ngày ban hành quyết định xác định danh tính, định dạng YYYY-MM-DD (ngày tháng năm), YYYY-MM (tháng năm) hoặc YYYY (năm)
1.1.5.3.3.50	CoQuanBanHanhQD	String	255 ký tự		Quyết định xác định danh tính: Cơ quan ban hành quyết định xác định danh tính
1.1.5.3.3.51	LaMoGiaDinhQL	Boolean			Mộ do gia đình quản lý: true - Có; false - Không
1.1.5.3.3.52	DiaChiMoGiaDinhQL DiaChi	String	255 ký tự		Địa chỉ mộ do gia đình quản lý: Địa chỉ chi tiết số nhà, tổ, thôn,...

1.1.5.3.3.53	DiaChiMoGiaDinhQLXa	String			Địa chỉ mộ do gia đình quản lý: Mã xã/phường/đặc khu, theo DM Xã/Phường/Đặc khu
1.1.5.3.3.54	DiaChiMoGiaDinhQLTenXa	String	30 ký tự		Địa chỉ mộ do gia đình quản lý: Tên xã/phường/đặc khu
1.1.5.3.3.55	DiaChiMoGiaDinhQLTinh	String			Địa chỉ mộ do gia đình quản lý: Mã tỉnh/thành phố, theo DM Tỉnh/Thành phố
1.1.5.3.3.56	DiaChiMoGiaDinhQLTenTinh	String	30 ký tự		Địa chỉ mộ do gia đình quản lý: Tên tỉnh/thành phố
1.1.5.3.3.57	ViTriMo	String	100 ký tự		Vị trí mộ trong trường hợp mộ đặt trong nghĩa trang, tham chiếu thông tin mộ (mục 2.2.3)
1.1.5.3.3.58	ThanNhan	Array			Thân nhân liệt sĩ theo giấy báo tử; lặp lại thẻ này cho mỗi thân nhân
1.1.5.3.3.58.1	ThanNhanHoVaTen	String	255 ký tự	x (khi có thẻ cha)	Họ và tên thân nhân
1.1.5.3.3.58.2	ThanNhanMoiQuanHe	Number	3 chữ số		Mối quan hệ với liệt sĩ, tham chiếu DM Mối quan hệ với người có công
1.1.5.3.3.58.3	ThanNhanGioiTinh	Number	1 chữ số		Giới tính thân nhân, tham chiếu DM giới tính
1.1.5.3.3.58.4	ThanNhanNgaySinh	String	10 ký tự		Ngày tháng năm sinh thân nhân, định dạng YYYY-MM-DD (ngày tháng năm), YYYY-MM (tháng năm) hoặc YYYY (năm)
1.1.5.3.3.58.5	ThanNhanSoCC	String	12 ký tự		Số định danh cá nhân (số căn cước, căn cước công dân) của thân nhân
1.2	ds:Signature	Object			Khối chữ ký số XAdES/XMLDSig của thẻ Content (namespace http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#). Có khi phiên tích hợp yêu cầu ký số

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiLSMLS/chia-se/liet-si
Request header	
Method	POST
Content-Type	application/xml; charset=utf-8
Authorization	Bearer <Thông tin token> (token lấy theo mục 2.2.1)
Request Body	
Body	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Envelope xmlns="https://lsmls.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>msg-003</MessageId> <Data> <Page>1</Page> <Size>1</Size> <SoBangTQGhiCong>TQGC-27-00005</SoBangTQGhiCong> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML của thẻ Content khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </Envelope>

Response Body	
Thành công	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://lsmls.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>c0773440-c833-4e99-a6dd-26aa8e7ea949</MessageId> <RefMessageId>msg-003</RefMessageId> <ErrorCode>0</ErrorCode> <Message>success</Message> <Data> <RequestId>40a28b20-df2a-47ce-bdac-60845ea82724</RequestId> <ReceivedAt>2026-10-12T20:40:02.801Z</ReceivedAt> <Result> <TongSoBanGhi>1</TongSoBanGhi> <LastId>01a0fa6d-185b-7004-aad0-e1c0552ea9ca</LastId> <BanGhi> <Id>01a0fa6d-185b-7004-aad0-e1c0552ea9ca</Id> <SoHSBoQL/> <SoHSTinhQL>BN-00005</SoHSTinhQL> <DPQuanLy>27</DPQuanLy> <CQQuanLyMaCQ>000.00.00.H06</CQQuanLyMaCQ> <CQQuanLyTenCQ>Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh</CQQuanLyTenCQ> <HoVaTen>Bùi Hữu Hùng</HoVaTen> <SoDDCN>080383381065</SoDDCN> <BiDanh>Khánh</BiDanh> <NgayThangNamSinh>1938-09-09</NgayThangNamSinh> <GioiTinh>1</GioiTinh> <QueQuanTheoGBTTenTinh>Hà Bắc</QueQuanTheoGBTTenTinh> <QueQuanTheoGBTTenHuyen>Thị xã Bắc Ninh</QueQuanTheoGBTTenHuyen> <QueQuanTheoGBTTenXa>Xã Đáp Cầu</QueQuanTheoGBTTenXa> <QueQuanTheoGBTDiaChiChiTiet>Thôn 6</QueQuanTheoGBTDiaChiChiTiet> <QueQuanTheoDVHCHienNayDiaChi>Thôn 6</QueQuanTheoDVHCHienNayDiaChi> <QueQuanTheoDVHCHienNayXa>09166</QueQuanTheoDVHCHienNayXa> <QueQuanTheoDVHCHienNayTenXa>Phường Đáp Cầu</QueQuanTheoDVHCHienNayTenXa> <QueQuanTheoDVHCHienNayTinh>27</QueQuanTheoDVHCHienNayTinh> <QueQuanTheoDVHCHienNayTenTinh>Bắc Ninh</QueQuanTheoDVHCHienNayTenTinh> <NoiThuongTruTenTinh/> <NoiThuongTruTenHuyen/> <NoiThuongTruTenXa/> <NoiThuongTruDiaChiChiTiet/> <NoiThuongTruTheoDVHCHienNayDiaChi>Thôn 6</NoiThuongTruTheoDVHCHienNayDiaChi> <NoiThuongTruTheoDVHCHienNayXa>09166</NoiThuongTruTheoDVHCHienNayXa> <NoiThuongTruTheoDVHCHienNayTenXa>Phường Đáp Cầu</NoiThuongTruTheoDVHCHienNayTenXa> <NoiThuongTruTheoDVHCHienNayTinh>27</NoiThuongTruTheoDVHCHienNayTinh> <NoiThuongTruTheoDVHCHienNayTenTinh>Bắc Ninh</NoiThuongTruTheoDVHCHienNayTenTinh> <NgayNhapNgu>1965</NgayNhapNgu> <NgayVaoDang/> <NgayHySinh>1970-10-09</NgayHySinh> <SoGiayBaoTu>BT-27-00005</SoGiayBaoTu> <NgayCapGiayBaoTu>1970-12-09</NgayCapGiayBaoTu> <DonViCapGiayBaoTu>Bộ CHQS tỉnh Bắc Ninh</DonViCapGiayBaoTu> <DonViCongTac>Trung đoàn 95</DonViCongTac>

	<CapBac>12</CapBac> <ChucVu>20</ChucVu> <SoBangTQGhiCong>TQGC-27-00005</SoBangTQGhiCong> <QuyetDinhCapBang>QĐ-1005/TTg</QuyetDinhCapBang> <NgayQuyetDinh>1974-08-20</NgayQuyetDinh> <CoQuanQuyetDinh>Thủ tướng Chính phủ</CoQuanQuyetDinh> <NoiHySinh>Chiến trường Campuchia</NoiHySinh> <NoiHySinhDVKCC/> <TruongHopHySinh>6</TruongHopHySinh> <NoiAnTangBanDau>Nghĩa trang liệt sĩ địa phương</NoiAnTangBanDau> <NoiAnTangBanDauDVKCC/> <SoQDXDDT/> <NgayXacDinhDT/> <CoQuanBanHanhQD/> <LaMoGiaDinhQL>false</LaMoGiaDinhQL> <DiaChiMoGiaDinhQLDiaChi/> <DiaChiMoGiaDinhQLXa/> <DiaChiMoGiaDinhQLTenXa/> <DiaChiMoGiaDinhQLTinh/> <DiaChiMoGiaDinhQLTenTinh/> <ViTriMo>NTLS-27-001-B-1-1-03</ViTriMo> <ThanNhan> <ThanNhanHoVaTen>Nguyễn Thị Lan</ThanNhanHoVaTen> <ThanNhanMoiQuanHe>1</ThanNhanMoiQuanHe> <ThanNhanGioiTinh>2</ThanNhanGioiTinh> <ThanNhanNgaySinh>1940</ThanNhanNgaySinh> <ThanNhanSoCC/> </ThanNhan> </BanGhi> </Result> </Data> </Content> <ds:Signature xmlns:ds="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"> <!-- Chữ ký số XML response khi phiên tích hợp yêu cầu ký số --> </ds:Signature> </ResponseEnvelope>
Không thành công (400 Bad Request - ví dụ lỗi CS_001; các mã lỗi khác theo mục 2.3)	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <ResponseEnvelope xmlns="https://lsmls.moha.gov.vn/api/v1"> <Content Id="SignedData"> <MessageId>01a12f0e-1291-7efb-aa17-8345da9cd03d</MessageId> <RefMessageId>msg-003</RefMessageId> <ErrorCode>CS_001</ErrorCode> <Message>Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: Unrecognized field "HoTen"</Message> </Content> </ResponseEnvelope>

- Các giá trị trả về ErrorCode của hệ thống: theo bảng mã lỗi tại mục 2.3.

2.3. Quy định mã lỗi (ErrorCode)

Response thành công trả HTTP 200 với ErrorCode = 0; response lỗi trả HTTP Code tương ứng theo bảng dưới, nội dung vẫn theo cấu trúc ResponseEnvelope nhưng không có thẻ Data. Lỗi token không hợp lệ/hết hạn (HTTP 401) hoặc tài khoản chưa được cấp quyền gọi API (HTTP 403) do cổng API trả về trước khi tới dịch vụ chia sẻ, nên không theo cấu trúc trên.

Mã lỗi (Error Code)	HTTP Code	Nội dung trả về (Message)	Ghi chú
0	200	success	Thành công; thẻ Data chứa RequestId, ReceivedAt và Result
CS_001	400	Dữ liệu gửi lên không đúng định dạng XML hoặc thiếu thẻ bắt buộc. Chi tiết: <…>	Body không phải XML hợp lệ, thiếu thẻ Content/MessageId, hoặc trong Data có thẻ không thuộc đặc tả
CS_002	400	Số bản ghi mỗi trang vượt quá giới hạn 1.000.	Giá trị Size > 1000
CS_003	503	Không kết nối được hệ thống CSDL LSMLS, vui lòng gọi lại sau.	Lỗi tạm thời, gọi lại sau
CS_004	502	Hệ thống CSDL LSMLS xử lý lỗi. Chi tiết: <…>	Gồm cả điều kiện lọc không hợp lệ (từ khóa quá dài); nguyên nhân cụ thể ghi sau "Chi tiết:" trong thẻ Message

II. Điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu Liệt sĩ, Mộ liệt sĩ và Nghĩa trang liệt sĩ

1. Yêu cầu về an toàn hệ thống thông tin

Các hệ thống thông tin kết nối với CSDL LSMLS phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin tối thiểu từ Cấp độ 3 trở lên, tuân thủ quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

2. Kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn thông tin

Trước khi thực hiện kết nối hoặc khi có sự điều chỉnh, thay đổi thiết kế hệ thống thông tin đã kết nối, cơ quan, tổ chức chủ quản phải thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định. Việc kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn thông tin phải được thực hiện bởi cơ quan có chức năng của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng theo quy định của pháp luật.

3. Ký số và bảo mật dữ liệu trao đổi

Bản tin gửi tới CSDL LSMLS phải được ký số theo chuẩn XAdES bằng chứng thư số do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp; CSDL LSMLS thực hiện xác thực chữ ký trước khi tiếp nhận. Dữ liệu chia sẻ ra ngoài cũng được ký số trước khi rời hệ thống và bên nhận có trách nhiệm xác thực chữ ký trước khi sử dụng.

4. Tài khoản tích hợp và phân quyền

Mỗi hệ thống thông tin khai thác được cấp một tài khoản tích hợp riêng. Quyền gọi được cấp theo từng API tại mục 2.1 (theo mã dịch vụ); tài khoản chỉ gọi được các API đã được phê duyệt, gọi API chưa được cấp quyền sẽ bị cổng API từ chối (HTTP 403). Bên khai thác có trách nhiệm bảo mật thông tin tài khoản, chỉ sử dụng dữ liệu đúng mục đích đã đăng ký và không chia sẻ lại cho bên thứ ba khi chưa được cơ quan quản lý CSDL LSMLS đồng ý.